述前賢之所造

[illegible]

遺後學之無差

永慶三年五月穀日

釋氏攻定國語集

禪齋徵課定耒、筆硯卞𠛌論尼理咸勒咸繹

典亮乙、玄光妙筆𨀈𨀈底𠊛三者同歸一言、

儒共道士僧禪異邑、𠊛異法學釋迦監𡗉、

国語底和代衢、埃陀召敎茹禪、攻文老歇買、

輒各桊。自𣋽下桊香湯沐浴𣋽上𣳢清。辨讝
𢀨𡈺小生𢪲𥿗紙曰分明訶詳。調沛拯底隊
張、詞磊衣底固方馬喪。保茹齋主庒差模紙𣋽
局舍合除耗。𠬠齡㵋𠬠椼包、防敢森磊消耗
𡗶𣱾。𪻻時特壽𠊛此、𢴑𡈺特福主茹特恩淀
特歲享壽長磊時減弄𠀧安害命、或畀拯度
資生、𡲈𡢐吒媄分明訶詳、媄吒𡶀吒在堂、時
孫哀子昆傷世𣱾𡶀媄麻托末吒、齋主貫孫
孫𣱾孫𡥵、共𠬠父母堆𠊛齋一至時孫𣱾孫
哀𡢐補𢝙𪻻過代、良人𫁅号𣱾𡰚𣋽剔𡨹托

補禱傷世、齋主稱号賜嗣室中、沼把恩要恩
弁親孫報道洞匕初尼、見末旺嫌乡齋嚴君
慈母夌嗣見生、要奄罒夌弟兄、親兄親弟分
明庄奈、前後不一庄差先号庄可分咍渚𠄩、生
字不可下禹、若平死字庄特路之頭行、奏諸
疏牒開單、并諸文字内壇云匕、前餘一掌之
分、後餘兩掌餘分遝世、連頭除八分尼、下連、
蟻走覡嗣捕鉄、尼罒具品斎侵資生隨原要
之推詳、大斎水陸眞陽、或固頭奏侵詳諸当
些曰乡获表黄、朱書黄紙腰當饒分、寫状台

ÉCOLE FRANÇAISE … BIBLIOTHÈQUE

地天申事神埃別理論朱通前賢典底湄々
庒朋伃口買通事吧暠𢀨立坛齋白地天
日畧暠天申都會茶立鋪陳謹取正日状申
曰包事坤埃別彡牢竖幡暠𢀨意暠正齋謹
取某日庒差某日崇建保嘀分明或畧水陸
資生曰預奏表按行如之日白地天状隨礼
暠凍坛畧餒日崇理茂保敬朱通埃才𦁺體
畤弄運咍状曰用白紙吧無𠰺有𤺺状𠛌一
封開單四道並用行當境位並空渚夂神位
四向陀甘至於叢奏用彡齋餒奏状七口丕

旬垂用白紙黑書淍匕申狀旬固四封開单
五道淍匕如之公牒有四封皮若無頁奏用
之發劄發奏曰表黃尼菩薩白紙狀劄朱逼
申狀旬古四封共白紙曰並用如之隨原往
生丕旬發奏用表共旬買年奏伏六位加前
世尊菩薩金蓮上座停位薩頂去罢添位十
位伏丕和例名列前三宝分明天地水表進
呈芳掌表曰朱書紙黃菩薩白紙黃發並用狀
申旬固四封法彡白紙並用黑書奏疏菩薩
伏慈稱浪弟子罵彡沛庄天府時稱臣僧也

府称曰小僧用匕水府称狼僧空、申状四道
丕共隨之申奏進狀諸筏、曰有不指丕宥留
空内坛疏四道封、固罪副本四封方爲、功德
疏氏吏祐、曰固元命些多朱明太歲年月日
行用之一印分明朱詳公牒八道八張、開獄
功德爲羌葬世、墳逐公攝課邑、曰罪牒氏朱
哈理茂、共固之命䦘䦘、用丞一印守頭額當、
一印大字頭行、半年一印壓當世界法師壹、
印討唄、諸并共丕訶和䦘䦘以象品字寫匕、
李祐朱別理茂買年、諸開諸牒晴前奉侯斋

関

元

主其先主茹申狀奏疏斯賧居奉斋主壬
茹姓名斋僂糝榜吟乙大門榜𠬠分明紙黄
和吏宁榜茶湯每榜糝行十一字尼悉除吏
保朱咍堆榜共日朋尼紙黄進後第一等張
四十四狀方函黄𥶄第二等狀進連四十八道
黄𥶄方函尼罢等狀第三十四有籥無函黄
𥶄第四等狀萬全三十四籥白𥶄用劍斋僂
隨願品斋法古八位法排朱年十伕十位座
前第一等伕吏琢受位普廣菩薩用之屬第二
狀函旬黄𥶄隨願水陸真陽二齋放此符詳朱咍

做

資度茂店茂聘、罪申𠄼狀曰尼𠄼函、罪牒𠄼開
𠄼单、五位使者五函屬之公牒四道封皮、天下
當界屬之城隍、開獄洪焦二張、共羅四道茂羔
朱哈、開单吏屬朋尼、𠄼翁𠄼道曰刷朱奴、進後
第一等區方函十四狀、全黃𤼵第二等狀進連、
七道函口黃𤼵並用、第三四道狀封無函有滴
𤼵黃如之第四六道封皮、皮時白紙丕時白𤼵、
內玹南牒萬全、功德開關方圓內玹、曰固南牒
朱安化衣公據填還陰司、疏固四道封皮、黃𤼵

聖位用之在前請伏功德斋延聖僧謝過萬全
分明、
尼請䇯延天庭景鑾寫状分明訴詳並用黄紙
色黄、臨時対寫血當摟毫侵召三府塔髙共固
巴状係毫左差方函可𦝄皮外但改聖号渚差
之羅、内状一体在訊共固聖号𦝄函如燒戝自
𠯪奏𠫾頭、旦徵満散衛娄𠭤羅、旦朋边會侵科
𡗶遇其節丕和買分、斋称𠸣當其旬七七百日
或臨二祥、意羅十殿冥王延旬共固保詳朱咍、

埃固乡皷迓斋、屆當𣅶七𦬑侷𡨹意罢嚼保奈斋
旬尼吏哾曰亡人神位、初祀罙𡨸和推生老病
死計鈘和用、病死台宁時內、生老台宁些用時年
女䰟曰迸𠶋連、男䰟順𠽖保侍朱咍位時無𬖉
平尼幡時固𬖉朱咍於頭埃固某戦閉𡢐生時
些渚曰𬖉乡之凡庫平尼𠭤圭無戦有𬖉曰時
姓名屬術五姓五行宫商角徵羽分明朱詳位
旺显考𣇜傷位媄显妣耶娘仍罢、翁𢀲祖考計罢、
曾祖四代意陀𠀲高、高祖五代課尼、良人才𤳆𡢼

重賢室中㒷婚实先賢婦賢妹姉嫡庄㐌賢兄
孙㝵㒷要賢弟㝵奄買㕘討之堂伯堂叔羡欺
㝵孙茬㩫丕時人倫伏爲正存亡灵芇埃朱別
朱明曰㐌保奴每理塔高庄少荷芇渚量孤疑
意㝵𠬠保曰位尼保𠊚印諸儀斋核羨印三室
通連用諸䟽牒閞单𥿗匕閞牒罕印畧娄單固
羨印半頭宁年皮牒巴印萬全額字二印共連
神位正面法戢用之𠊚連封字丕時渚訛𥿗封
等狀斯縣正面回一印用和宁封方𠬠䟽狀淍匕

用之三印守封𢮿顚奏疏申狀𡎝匕用之一印
半頭守年意咒揀印宅安吏保題位黄爺滿禹
伏位或五或三以中爲正題幺署尼二位四位
課尼以左爲尊曰尼諸任署娄戕保湄匕依如
尼帝連通每唐賫生水陸寘陽賫度品式道場
諸齋理年劄底後來談言妙語𠯇㝵後人埃乡
總幹攻文粘紙朱泒迸分午通自𢀭福亨無窮
㭢畑伏祖朗通閉茹灯匕相續斯賖㭢畑㝵㷟院丕
和朗𡛔禪齋徵課安耒𤳆咒奴少軒梅劄𡗐

南無長壽王菩薩 証明

合同祠祝華

神華灵三宝証明合全大印發題超生

天子萬七年

南無長壽王菩薩 證明

合同詞祝筆

神筆灵〻三宝証明合仝大印幾顯超生

天子萬匕年

Công Văn Dịch-đình bày biện các đàn
thuật trên hoàn chư sở tạo
Di hậu học chi vô sai



Vĩnh-Khánh Tam niên Ngũ nguyệt Cốc nhật (1731)

Thích-thị công định 攻定 Quốc ngữ tập

Nhiều trai chùng (數) thuở định rồi
Bút nghiên bèn chép luận nơi lý mầu 茂
Chữ 助 thanh Thích điển [釋典] đâu dâu
Huyền quang diệu bút trước sau để truyền [illegible]
Tam giả đồng qui nhất ngôn Tam giả ..
NHO cùng ĐẠO-SĨ, TĂNG THIỀN là ba
Ấy là phép Bụt THÍCH CA
Làm 豈 lời 嚼 Quốc ngữ để hoà dạy khuyên
Nơi đã chùa giáo nhà thiền
Công văn (攻文) lẫu 老 hết mọi / ra nên danh thầy
Bữ ngày hạ bút [~~hương thang~~] [đến nay?]
Hương thang mộc dục ngày ngày sạch thanh
Biện khoản một 茂 người 号 tiểu sinh
Thu lấy giấy viết phân minh tổ tường
Bỏ phải (拎) để đòi trường
Bỏ lỗi 磊 ấy để có phương mưa nài: 疚→奈 (x.40)
Bảo nhà trao-chủ chẳng 庄 sai
Mua giấy ngày rày xá hợp trù hao.
Một nghìn thêm một trăm vào
Phòng khi lấm 森→林 lỗi tiêu hao kia là
Trước thì trì thọ [持壽] mệnh ta [illegible]
Sau người được phúc chủ nhà được ơn [illegible]
Ni 泥 được tuổi hưởng thọ trường
Lỗi thì giảm toán đã an hai mình
Hoặc là bạt độ 拔度 tư sinh (資生)
Ông bà cha mẹ phân minh tổ tường
Mẹ thác [吒→托] còn cha tại đường (在堂)
Thì xưng AI-TỬ (哀子) con thương thay là 世

Đô hội trúc lập phô trần 鋪陳
Cẩn thủ 謹取 chính nhật trạng thần viết vào
Sự <u>khôn</u> ai biết làm sao
68 Thụ phan 豎幡 ngày nào ấy ngày chính trai 正齋
Cẩn thủ mộ nhật 某日 chưởng sai
Mộ nhật sùng kiến 崇建 bảo lời phân minh
Hoặc là thủy lục tư sinh 資生
72 Nhật dư 日預 tấu biểu án hành như chi 按行如之
Nhật bạch địa thiên trạng tùy
Lễ ngày đăng đàn là nghi 儀 nhật sùng 日崇
Lễ mẫu bảo hết cho thông
76 Ai tai đơm 稻 thấy 體 thì lòng 意 hiểu hay
Trạng ~~bạch~~ viết dùng bạch chỉ 白紙 nay
Vô ham hữu lậu 無㕵有漏 trương rày nhất phong 一封
Quan đan 開單 tứ đạo tịnh dùng 四道並用
80 Đứng đang cảnh vị 境位 tịnh không 並空 chớ làm
Thần vị 神位 tứ hướng 四向 đà 陀 cam
Chỉ ư phát tấu 至於發奏 dùng làm trai nghi 齋儀
36 Tấu trạng thất khẩu ~~Bảy~~ / thì 奏狀七口
84 Tịnh dụng Bạch chỉ 並用白紙 hắc thư 黑書 dòng dòng
Thân trạng 申狀 thì có tứ phong 四封
Quan đan ngũ đạo 開單五道 dòng dòng như chi
Công điệp hữu tứ phong bì
88 Nhược vô dụ tấu dùng chỉ phát rày
Phát tấu viết biểu vâng nay
Bồ tát bạch chỉ trạng rày cho thông
Thân trạng thì có tứ phong 四封
92 Cùng bạch chỉ viết tịnh dùng như chi 如之
Tùy nguyện vãng sinh vậy thì
Phát tấu dùng biểu cùng thì mới nên
Tấu Phật lục vị gia tiền 加前
96 Thế tôn Bồ tát kim liên thượng tòa 金蓮上座
Đình vị 停位 quán đính 灌頂 khu tà 去邪
Thêm (vị?) thập vị phật vậy hòa lệ danh 例名
Loạt tiền 到前 tam bảo phân minh
100 Thiên địa thủy biểu tiến trình chưởng phương (方掌?)

Đô hội trúc lập phô trần 鋪陳
Cẩn thủ 謹取 chánh nhật trạng thân viết vào
Sự <u>khôn</u> ai biết làm sao
Thụ phan 豎幡 ngày nào ấy ngày chính trai 正齋
Cẩn thủ mộ nhật 某日 chứng sai
Mộ nhật sùng kiến 崇建 bảo lời phân minh
Hoặc là thủy lục tư sinh 資生
Nhật dự 日預 tấu biểu ấn hành như chi 按行如之
Nhật bạch địa thiên trạng tùy
Lễ ngày đáng đàn là nghi 儀 nhật sùng 日崇
Lễ mẫu bảo hết cho thông
Ai tài dom 稍 thấy 體 thì lòng 意 hiểu hay
Trạng bạch viết dùng bạch chỉ 白紙 nay
Vô hàm hữu lậu 無函有漏 trong rày nhất phong 一封
Quan đan 關單 tứ đạo tịnh dùng 四道並用
Đứng đang cảnh vị 境位 tịnh không 並空 chớ làm
Thần vị 神位 tứ hướng 四向 đà 陀 cam
Chí ư phát tấu 至於發奏 dùng làm trai nghi 齋儀
38 Tấu trạng thất khẩu ~~Bảy~~ / thì 奏狀 t.a
Tịnh dụng Bạch chỉ 並用白紙 hắc thư 黑書 dòng dòng
Thân trạng 申狀 thì có tứ phong 四封
Quan đan ngũ đạo 關單五道 dòng dòng như chi
Công điệp hữu tứ phong bì
Nhược vô dự tấu dùng chỉ phát rày
Phát tấu viết biểu vàng nay
Bồ tát bạch chỉ trạng rày cho thông
Thân trạng thì có tứ phong 四封
Cùng bạch chỉ viết tịnh dùng như chi 如之
Tùy nguyện vãng sinh vậy thì
Phát tấu dùng biểu cũng thì mới nên
Tâu Phật lục vị gia tiền 加前
Thế tôn Bồ tát kim liên thượng tọa 金蓮上座
Đình vị 停位 quán đỉnh 灌頂 khử tà 去邪
Thêm (vị?) thập vị phật vậy hoà lệ danh 例名
Liệt tiền 列前 tam bảo phân minh
Thiên địa thủy biểu tiến trình chưởng phương (方掌?)

Biểu viết chu thư 朱書 giấy vàng 紙黃
Bồ tát bạch-chỉ hoàng thiêm 黄簽 tinh dung
Tranh thần thì có tứ phong
104 Phép làm bạch chỉ tịnh dung hắc-thư 黑書
Tâu sở bồ-tát phật-tử
Xưng rằng đệ tử mỗ hệ phải chăng
Thiên phủ 天府 thì xưng Thần Tăng 臣僧
4a 108 Địa phủ 地府 xưng viết TIỂU TĂNG 小僧 ròng ròng
Thủy phủ 水府 xưng rằng TĂNG không
Thân trạng 申狀 tứ đạo 四道 vậy cũng tùy chi
Thân tấu tiến trạng chư nghi
112 Nhất thì bất chỉ 不指 vậy thì lưu không 流空
Nội-đàn sở tứ đạo phong
Có bốn phó bản tứ phong phương hàm 四封方函
Công đức sở ấy lại xem
116 Viết có nguyên mệnh 元命 tu làm cho minh
Thái tuế 太歲 niên nguyệt nhật hành
Dùng chỉ nhất ấn phân minh cho tường
Công điệp bát đạo bát trương
120 Khai ngục công đức một đường là 竟 thay 世
Đền hoàn 填還 công ~~đức~~ cứ thuở nay
Viết bốn điệp ấy cho hay lề mẫu
Cũng có chỉ mệnh trước sau
124 Dùng chung nhất ấn giữa 字 đầu ngạch đang
Nhất ấn đạy tệ đầu hàng
Bùi niên nhất ấn yểu đang thay là!
Pháp sư nhất ấn kể ra
128 Chủ tinh 諸弁 cũng vậy điều hòa trước sau
Dĩ [N3?] tướng phẩm tự 品字 lâu lâu (N3=minh?)
Học xem cho biết lề mẫu mới nên
Chư quan chư điệp thì tiền 前
4b 132 Phụng Phật trai / chủ, mộ tiền chủ nhà
Thân trạng tâu sở gần xa
Cứ phụng trai chủ, chủ nhà tính danh
Trai nghi tám bảng rành rành
136 Đại môn bảng ấy phân minh giấy vàng

Hoà lại có bảng trà thang
Mỗi bảng tám hành thập nhất tự này
Bây giờ lại bảo cho hay
Đôi bảng cũng viết <u>bằng nay</u> giấy vàng
Biên hậu 繼後 đệ nhất đẳng trương
Tứ (?) thập tứ tạng phương hàm hoàng thiêm 黃簽
Đệ tam đẳng trạng tiến lên
Tứ thập bát đạo hoàng thiêm phương hàm
Này là đẳng trạng đệ tam
Thập tứ hữu lậu 有漏 vô hàm 無函 hoàng thiêm
Đệ tứ đẳng trạng vạn tuyền
Nhị thập tứ lậu bạch thiêm 白簽 dùng rày
Trai nghi tùy nguyện phẩm trai
Phép có bát vị, pháp bày cho nên
Thập Phật thập vị tọa tiền
Đệ nhất đẳng phục lại thêm một 灸 vì
Phổ quảng Bồ tát dụng chi
Thuộc đệ nhất trạng hơn 函 thì hoàng thiêm
Tùy nguyện thủy lục minh dương
Nhị trai phóng thể bảo tướng cho hay
5a Tư độ 資度 một 灸 đem một ngày
Bốn thân năm trạng viết nay năm hàm
Bởi điệp năm quan 關 năm đan 單
Ngũ vị sứ giả, ngũ hàm thuộc chi (=nó)
Công điệp tứ đạo phong bì
Thiên hạ đương giới 當界 thuộc chi thành hoàng
Khai ngục ốc tiêu 沃焦, nhị trương
Cũng là tứ đạo một đường cho hay
Quan đan 關單 lại thuộc bằng nay
Năm ông năm đạo viết rày cho <u>nó</u>
Biên hậu đệ nhất đẳng khu
Phương hàm thập tứ trang đồ 塗 hoàng thiêm
Đệ nhị đẳng trạng tiến lên
Nhất đạo hàm khẩu hoàng-thiêm tịnh dùng
Đệ tam tứ đạo tinh phong
Vô hàm hữu lậu thiêm hoàng nhị chi

Đệ tế lục đạo phong bì
Rồi thì bạch chỉ vậy thì bạch thiêm
Nơi đàn nam điệp vạn tuyền
Công đức khai tịch 訂[illegible]闢 phương viên nơi đàn
Viết có nam điệp cho yên
Hoá y 化衣 cũng cứ điền hoàn 填还 âm ti.
Sở có tế đạo phong bì
58 Hoàng thiêm / thánh vị dùng chi tại tiền
Thỉnh Phật cũng điếu trai diên 帝筵
Thỉnh tiếng tự quả vạn tuyền phân minh

Nầy thỉnh phi điện 彩筵 thiên đình 天庭
Cảnh dư 景舉 tả trạng phân minh tờ tường
Tịnh dụng hoàng chỉ sáo hoàng
Lâm thì đối tả huyết đang sầu hào 对写血当搜毫
Nghi triện tam phủ thấp cao
Cũng có ba trạng tờ hào chẳng sai
Phương hàm khả lậu bề ngoài
Dẫn cái 但改 thánh hiệu chớ sai chi là
Nội trang nhất thể chẳng ngoa
Cũng có thánh hiệu lậu hàm như nhau
Dạy từ phát tấu làm đầu
Đến 旦 chúng 徼 mãn tán 满散 về lâu 婁 những là
Đến bằng bên hội nghi khoa
Cụng ngộ mộ tiết vậy hòa mới phân
Trai xưng gởi 甪 đang mộ tuần
Thất thất bách nhật hoặc lâm nhị tường
Ấy là thập điện Minh-vương
Mười tuần cũng có bảo tường cho hay
60 Ai có làm nên mười trai
Gởi đường mộ thất [illegible] tiến rầy vong nhân
Ấy là lời bảo 奈 tuần
Nầy lại dạy viết vong-nhân thần-vị 神位
Xưa lấy bốn chữ hoà quy
Sinh lão bệnh tử kể đi hòa dung

Bệnh tử hai chữ thì hung
Sinh lão hai chữ ta dùng thì nên
Nữ hôn viết nghịch dưới trên
Nam hôn thuận xuống bảo truyền cho hay
Vị thì vô quận 冇郡 bằng nay
Phan 潘 thì có quận cho hay ở đâu
Ai có mộ chức bấy lâu
Sinh thì ta chưa viết quan làm chi
Kẻ khó bằng nay người quê
Vô chức hữu quận viết thì tính danh
Thuộc về ngũ tính 姓 ngũ hành
Cung thương giốc [chủy] vũ 宮商角徵羽 phân minh cho tường
Vị cha hiển khảo con thương
Vị mẹ hiển tỉ da nương 耶娘 những lời
Ông là tổ khảo 祖考 kể ra 罢
Bằng tổ tử đại ấy đã cũng cao
Cao-tổ ngũ đại thuở nay
6b Lương nhân tại chính thật nay / trọng hiền
Thất trung là vợ thất tiên 先
Hiền tỷ, hiền muội, chị em chẳng nhầm
Hiền huynh xưng hiệu là anh
Hiền đệ là em, mới lành thảo chi
Đường bá 堂伯 đường thúc một khi
Hiền xưng chú bác vậy thì nhân luân
Phục vì chính 正存 vong linh
Nào ai cho biết cho minh viết vào
Bảo nó mọi lẽ thấp cao
Chẳng thiếu lời nào cho lượng cô nghi 孤寡
Ấy là lời 例 bảo viết vì
Nấy bảo đóng ấn chữ nghi trục đàn
Một ấn Tam bảo thông liền
Dùng chữ sớ điệp quan đàn lâu lâu
Quan điệp bốn ấn trước sau
Đan có một ấn Bán đầu 半頭 giữa niên 字年
Bề điệp ba ấn vạn tuyền
Nghạch - tự nhị ấn cũng liền thân vì

Chính điện pháp chức dụng chi
244 Dòng liên phong chữ vậy thì chớ ngoa
Lậu phong đảng trạng gần xa
Chính điện nhất ấn dụng hòa trú 守 phong 封
Phương hàm sở trạng dong dõng
7a 248 Dụng chi tam ấn trú phong hai đầu
Bấu sở thân trạng đâu đâu
Dụng chi nhất ấn bán đầu trú niên
Ấy là đóng ấn đã yên
252 Lại bảo đề vị hoàng thiên lập hàm
Phật vị hoặc ngũ hoặc tam
Dĩ trung vi chính 以中爲正 đồ làm trước nay
Nhị vị tả vị thuở nay
256 Dĩ tả vi tôn 以左爲尊 viết nay cho làm 仟
Trước sau dạy bảo dong dòng
Y như nơi đấy liên thông mọi đường
Tư sinh 資生 thủy lục minh dương
260 Tư độ phẩm thức đạo-tràng chư trai
Lễ mẫu chép để hậu lai
Đàm ngôn diệu ngữ 談言妙語 dạy người hậu nhân
Ai làm tổng cán 總幹 Công văn
264 Xem giấy cho sạch mười phần ngộ thông
Tự nhiên phúc hưởng vô cùng
Một đèn phật tổ sáng 明 thông muôn nhà
Đăng đăng tương tục gần xa
266 Một đèn trăm ngọn vậy hòa sáng soi
Thiền trai chứng thuở yên rồi
Dù là nọ thiếu hiền mùi chép làm

Nam vô Trường thọ bồ tát chứng minh

1/1/1980

[signature]

bàn hoàn 100
Bay : vậy 45, 53
cốc tính 110
chiều dám 105
ca (tay) 23, 8
cơ cấu 飢梂 30
cùng 共 26
dã 夜 (đổi thanh) 84, 99
đá-đoan 碊端 11
đôi (ngày) 隊 7
đòi hỏi 堆 7

chứng 132, 16

gẫy (= gậy) 70

hẵng 15
hoà 40, 80
hồ (biết hồ...) 18

lầm mồi 100
lầm ngẫm 89, 97, 144
lầm xong 93

mẳng : nghe 59
mìn 61

no (đủ) 107
nuôi 54, 56 (đại thị đàn bà già) 72

Thấy 体見
Thân : thưa 59
Thầy (sư) 68

Thế ấu 93, 101

qua ủa 80

Trở 把 19

trừng trừng 131

ra vóc 畀 l. 61, 67
rã rã 120
rạc từ 樂 41, 47
rậy ràng 48
rạc 119

vẫn (vận) 81
viền (viên) 104 (mẫn viền)
viền 110 (mẫn viền)
xá 88
xong xong 24

từ rạc 86
tư lường 105

仝文後庭排辦各壇

汲水壇或在家奉或在井處用[illegible]在江處

用河伯牒金銀二分叅盤三面宣衣一領[illegible]白色

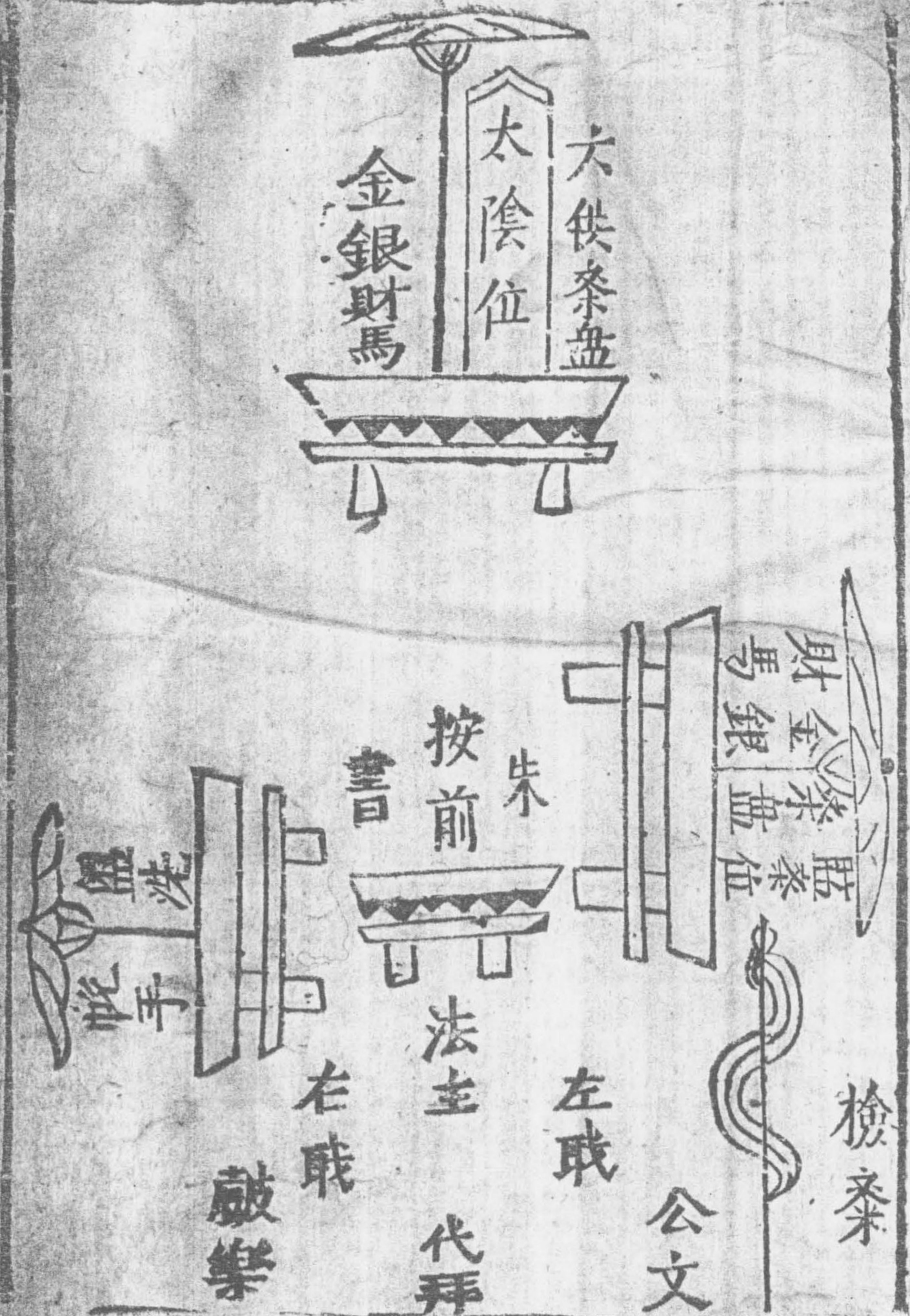
冠帶三件卓子三[illegible]火炉一口[illegible]進爐

焚在井處畢請水[illegible]奉家或設[illegible]處畢請

干叅玹如法[illegible]菓

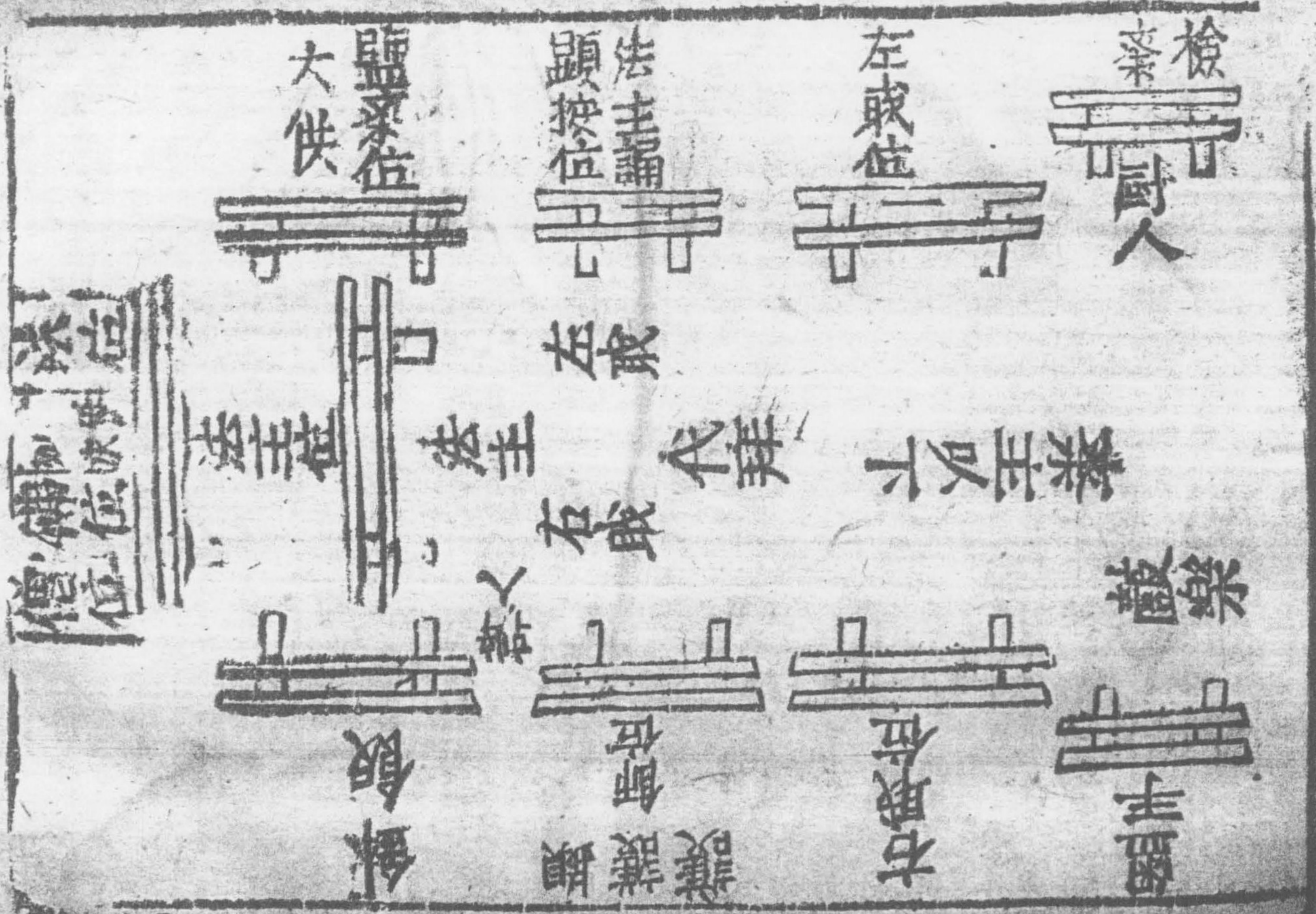


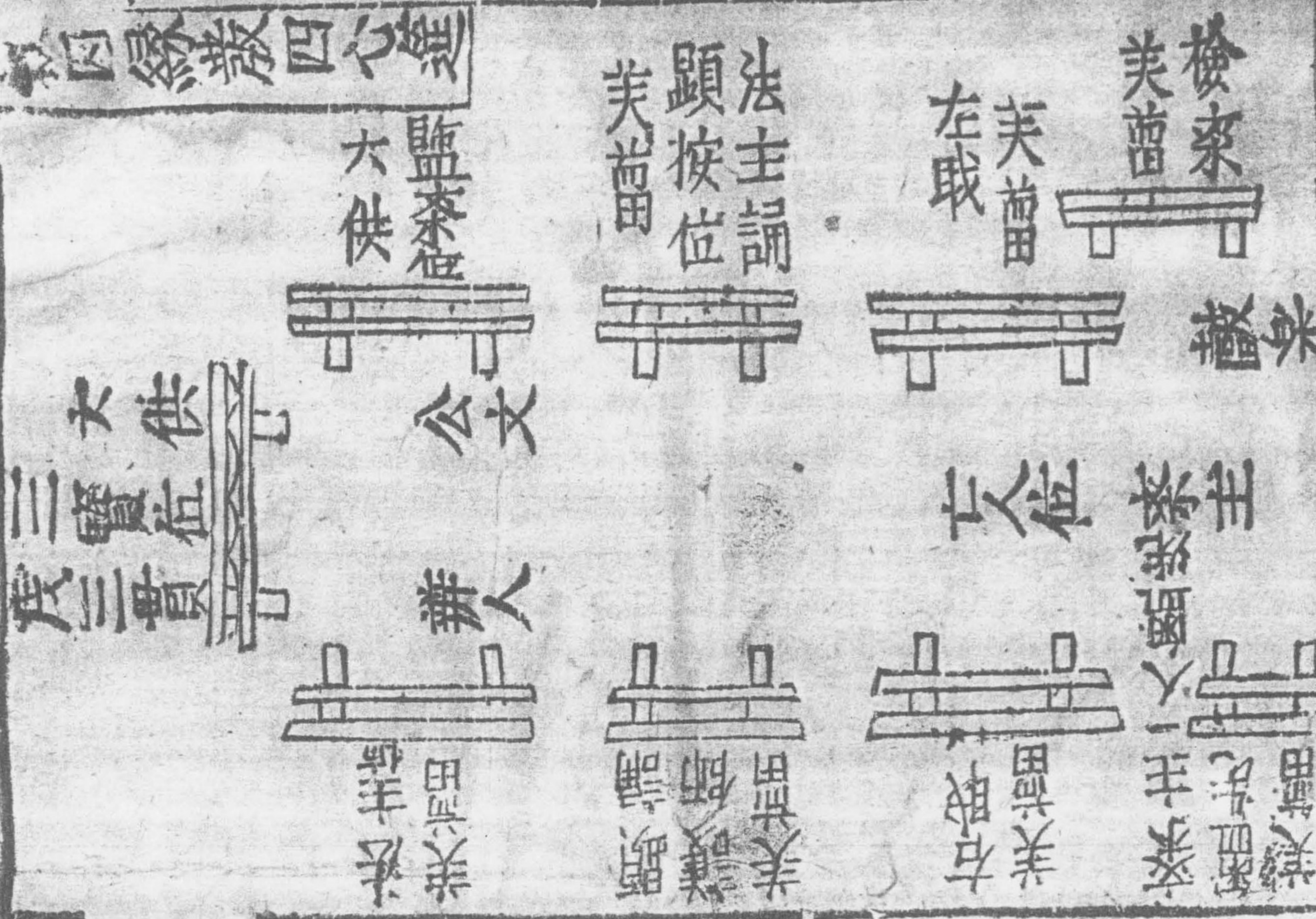
淨廚筵造素盤二百宴衣二領[illegible]白一
日夜至三日夜寫依如前公文[illegible]
夜須寫為三道太陰一道監齋[illegible]
畢詣太陰牒焚在素家處監齋[illegible]
淨牒焚在造饌家處財馬舊[illegible]
布一段糙朱半錢一貫排辦[illegible]
造饌家排辦持灯引前先入之[illegible]
畢後入行科火炉一口依如法
次置在素壇設行科畢詣于廚家[illegible]奉香花供養
至満散詣淨廚位至先迎後送如法



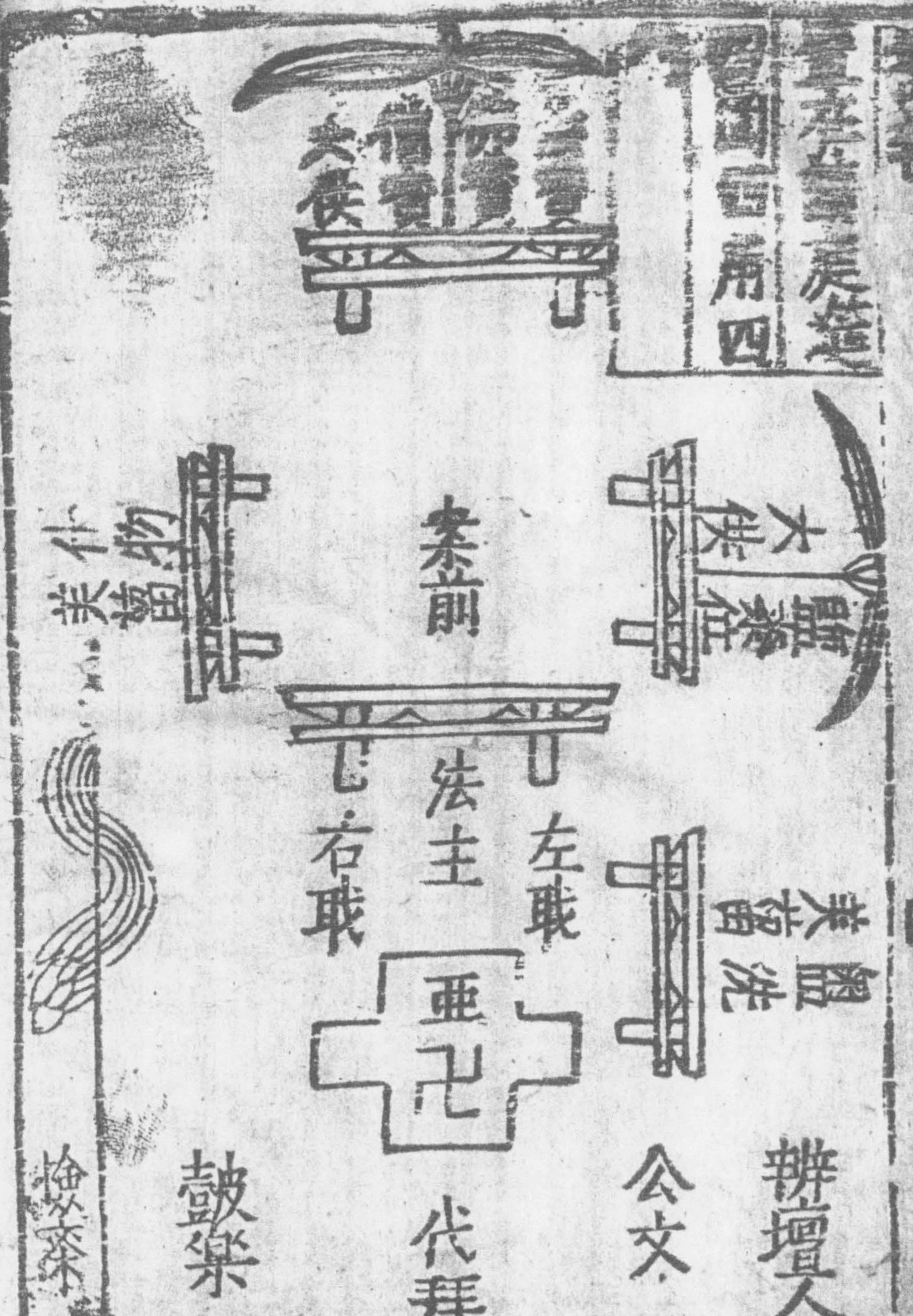
檢察
公文
監察位
金銀祭盤
財馬
左戟
朱
按前
書
法主
代拜
右戟
鼓樂
太陰位
大供祭盤
金銀財馬

開鉢壇筵𥹋盤四具飯淨一鉢置在上盤
鐃一柄淨花井水一鉢先礼拜行科懺悔
有道場後行開鉢法不梵凡嚞法若梵凡子
飯梵凡噤者再陳情自覺懺悔本身再行開
鉢法脫梵凡子飯于噤者如三業不淨大根
六塵不淨而性識圓明開者出嚴帝之門
鉢者受業隨身噤者參行萬苦飯者坐
法食解除萬慮千愆若未有開鉢者大
衆自顕敍刻至助祭祭主人未淨其身也
自三日至五七九日頭前一日有建開鉢壇


檢察
左執位
大供
法主位
左執
法主
代拜
右執
齋主以下
鼓樂
右執位


法主誦
顯揆位
大供
三寶位
公文
亡人位

盥洗筵或盥洗疏或有供僧伽衣帽并十物有供財
疏先置辦茲香花畢公文疊亞字圖法主初入道
場等行科畢法主道場等者出右边法主初入右
边下請至三寶位拜出左边行盥洗所洗手帨手
[illegible][illegible][illegible]德三星宮皇拜監齋位就于左边上題按及
[illegible][illegible][illegible][illegible]同行如法者就左边位以左戰正伽一
人[illegible][illegible]主位行如法復前位權脩同行如法以左
戰正伽哩盥洗所紅旗一柄用赤絹三尺三寸鏡
巢[illegible][illegible]香錢一貫美當是用置在右边棹同監齋
青[illegible]皖市原布一尺三寸壇置在請建筵家

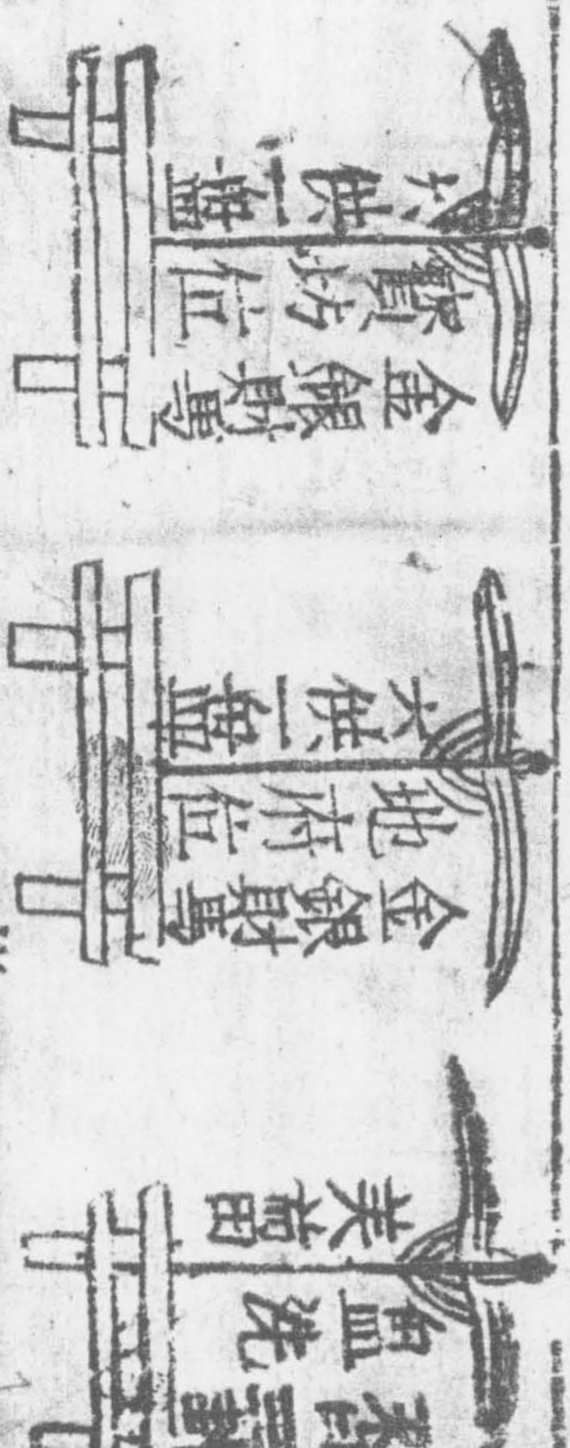


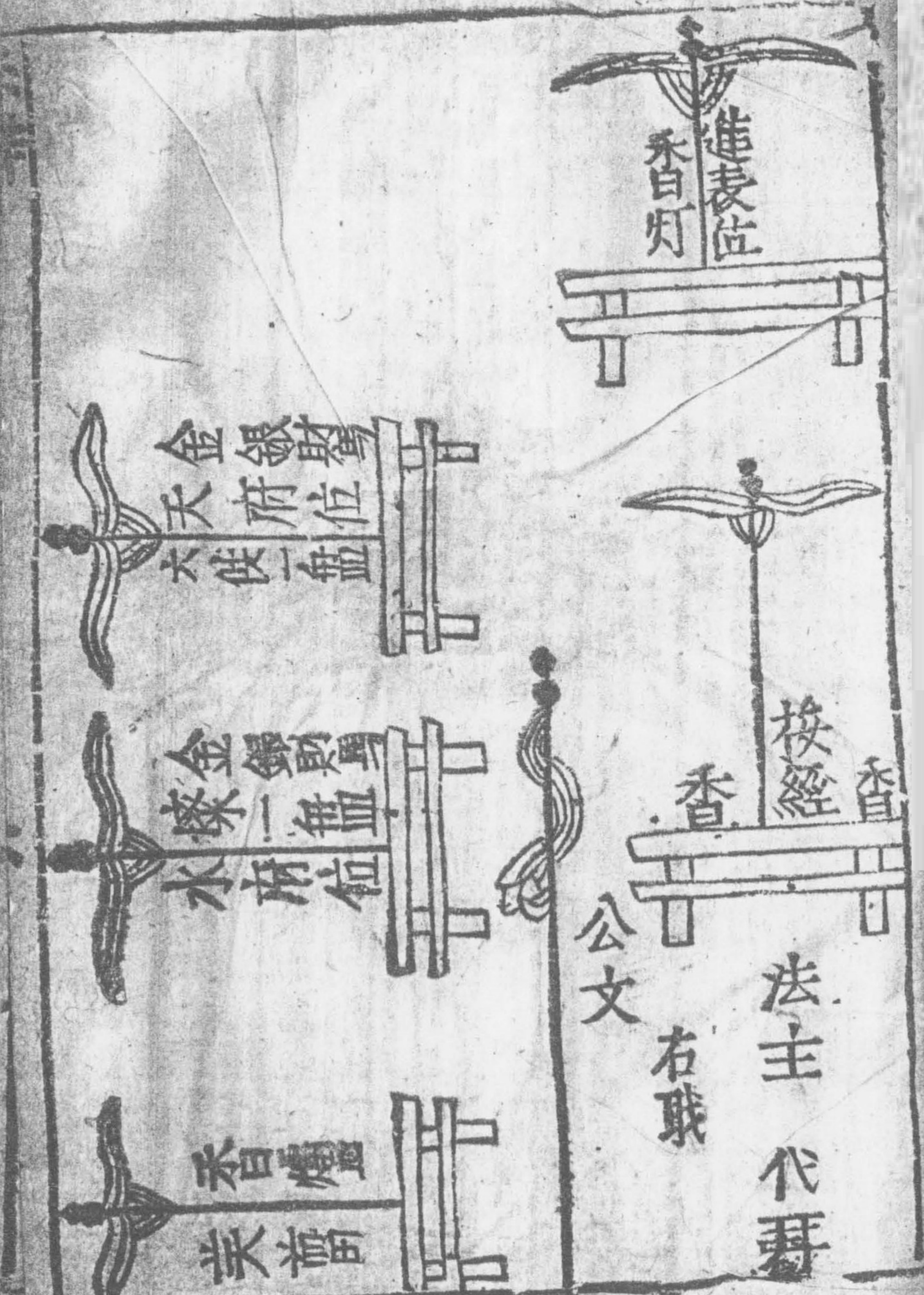
辦壇人
公文
案前
左戢
法主
右戢
代拜
物件
鼓樂

請榜筵排辦七日夜置于請庭筵自三日夜至一日
夜置于淨舍前用卓子三件齋盘三両古錢三貫
法行如儀



預奏筵前用預奏四位用表大道爾大口並用黃紙
朱書白疏天狀一張并封皮並用白紙黑字共錄
四道單四道無當境位置于請庭筵四門四角如
法排辦




進表位
香灯
接經
香
香
法主
代書
右職
公文
金銀財馬
天府位
金銀財馬
水府位
香燈

焚表筵先排辦卓子二件菜盤一面置于天門方坐
向天福方法主捧表盞大衆左行背從左行右行
背從右行後引前前隨後如法鍾鼓鐃鈸建天法
主詣至焚表前法主立于右边面向華蓋方來主
立于生炁方西边對面背跪菜主受表立于中跪
詣表至額上懇尽情法主受表詣至上壇前對面
聖前跪置于前想表畢执燭焚之畢法主大衆會
亲使者位前礼拜畢
額奏叢放奏　覆表用箱上青下黄一尺三寸
焚表同如法



㨂人 左戢 齕鑿

顕挨

置表燭焚 法主 代拜

辨玆 雙師 者戢 公文

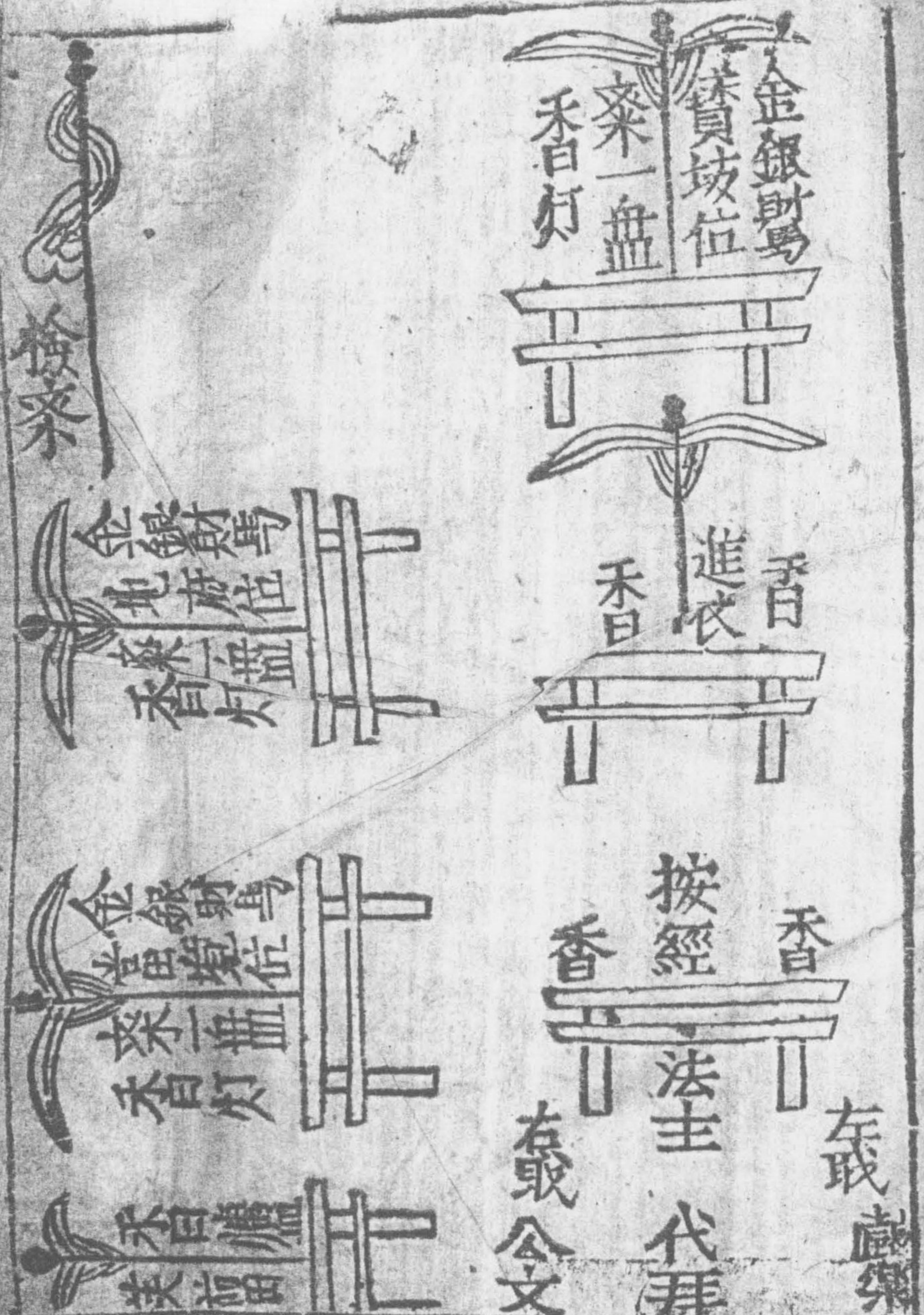
檢𥺊



嚴奏筵資度一日夜并一夜間置壇同一日夜奏狀
五丐并牒五封申四封牒四道關五道單五道直
衣五領冠帶鞋各五位五件金銀進頁五位兩軸
五柄椅棹五件案盤五面次炉一口鈸鐺一雙卓
手八件安排左右置于路次案主捧狀申并關單
懇畢公文請引至本位疏左下右進右下左如法

置壇四角四門
四圍如法





金銀財馬
寶坛位
菜一盘
香灯
香
進衣
香
香
按經
香
法主
代拜
金銀財馬
菜一盘
香灯
金銀財馬
菜一盘
香灯

啟奏賫表無遲水陸七日夜并養生薦顯冥陽普度

三日夜若有預奏時裝奏用狀無須預奏時叢奏用

表開五道單五道牒四道用黄紙七只青絹七只

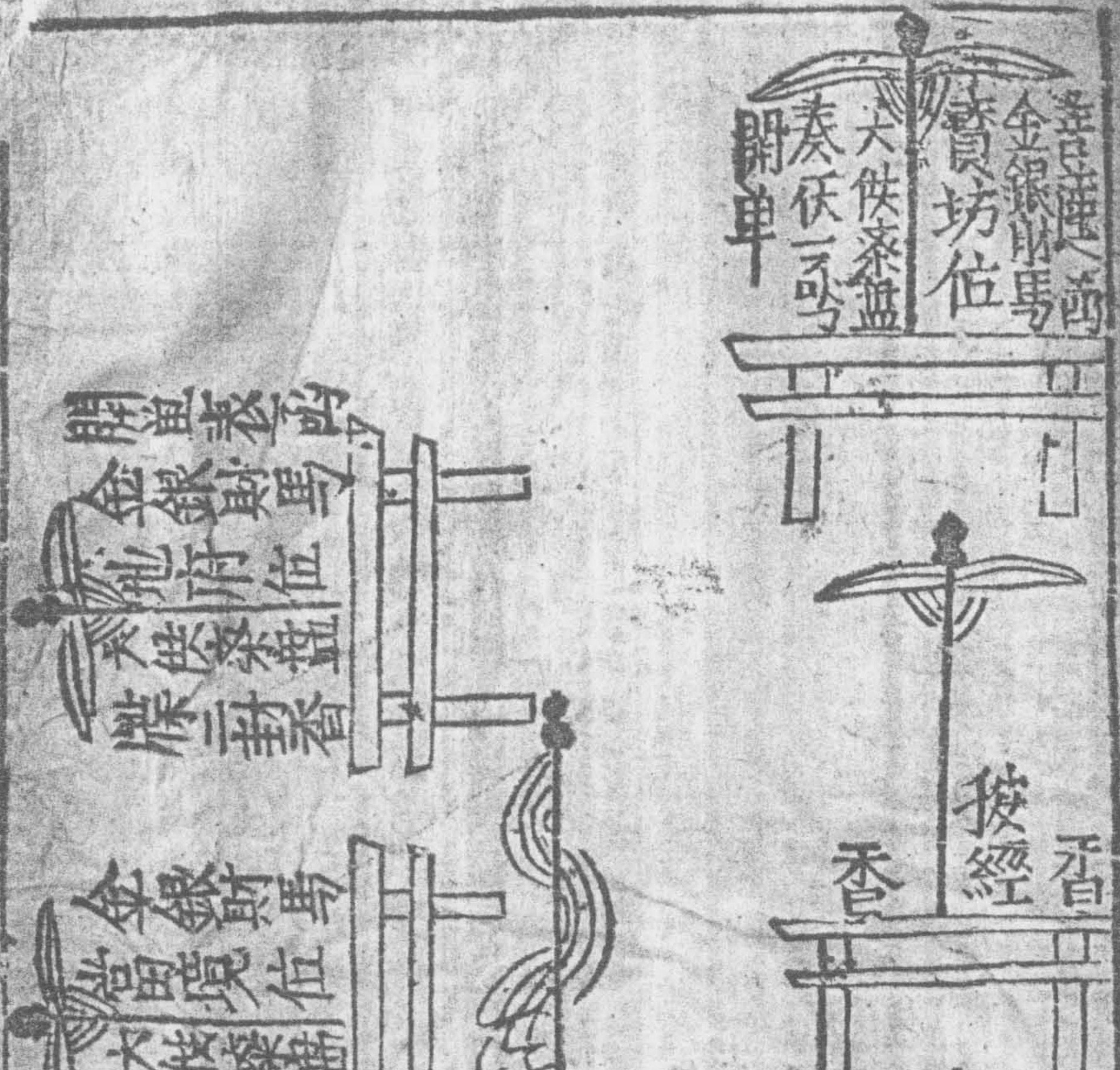
覆表蓓表布白精關單賫表公文一人白布一段

五只朱墨三硯并冥衣五領包帶鞋五件辦如法

置孩四角

四門四圍





金銀財馬
寶坊位
開单
香
披經
香
法主
左
右
代拜
金銀財馬

請聖僧辨疏一函自七日夜三日夜用并副本置在
本位若一日夜用疏一函灯二件交辦黄絹橋二
段三尺三寸包頂法主包頂宣疏左戰引前如法
請目連者中元排二位同如法



安稜桌筵安本位右班上紅旗一柄馬一隻
請經筵琅瑘一件包經黄絹一段七尺贖經一百文
錢經在边江處黄絹一疋為橋如法

函經



監幡筵排辦或天福方或澄會黄周天門方散吉祥
錢一百文撈米桌盘一同香花如法



朴新

請佛當堂請卷天[redacted]狀一函開坐三道初八

壇法主先就右边大衆顯䟽坐臥下皆就左边奉

主皆從左边捻案人立左边亡人床法主立右边

亡人床捻案人唱案主就位序立奉卷三晝止

以左職請案主行盥洗所復普位焚香俯伏四拜

號法主行剩血文以左手角舞以左角自鼻至中

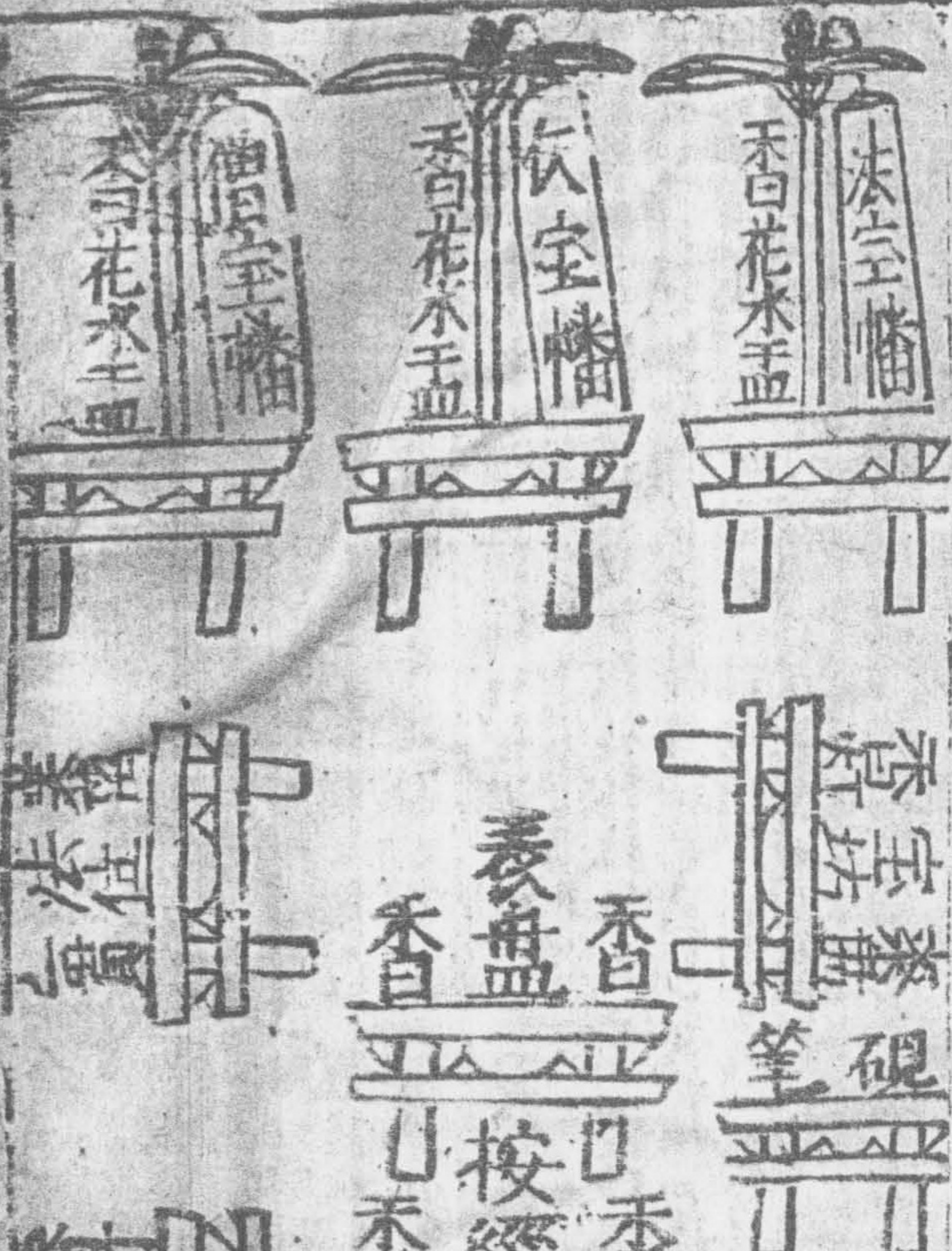
天谷取髮中谷為血取莩草夫德方為燭焚髮于

圓台中啟曰報乎文殳也公文寫狀畢詣至法主

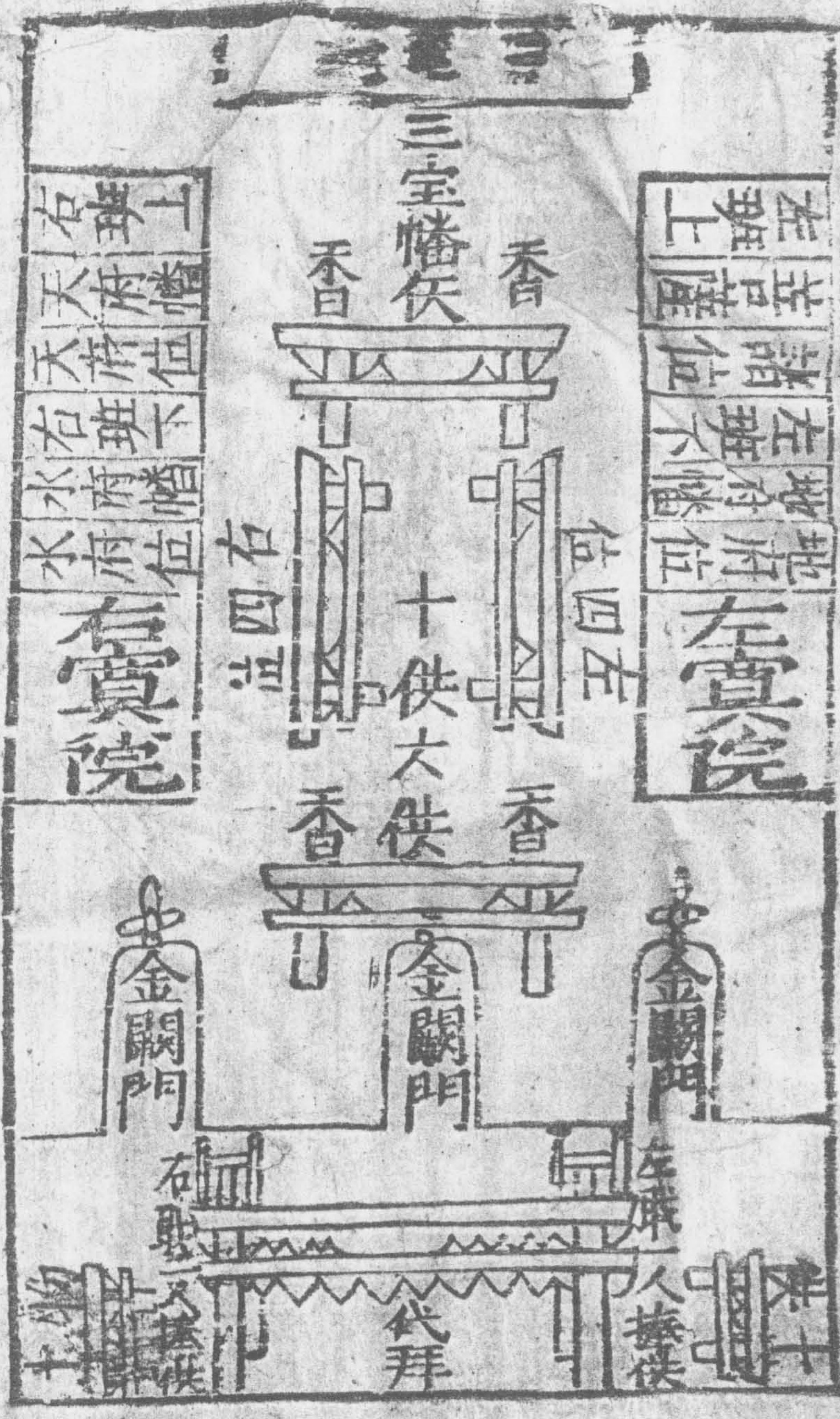
位肴過底其状内來還本位拜法主四拜案主礼

灵前四拜畢再礼法主四拜畢各就對聖前行禮

如法。若叔伯姑舅姨別枝同無子繼嗣內孫外
孫別枝所養爲子嗣後有鞠無育用向亳天報其
鞠也　黄絹九尺用三橋　帕十一柄右錢三貫



內壇奏堂排辦各位遞

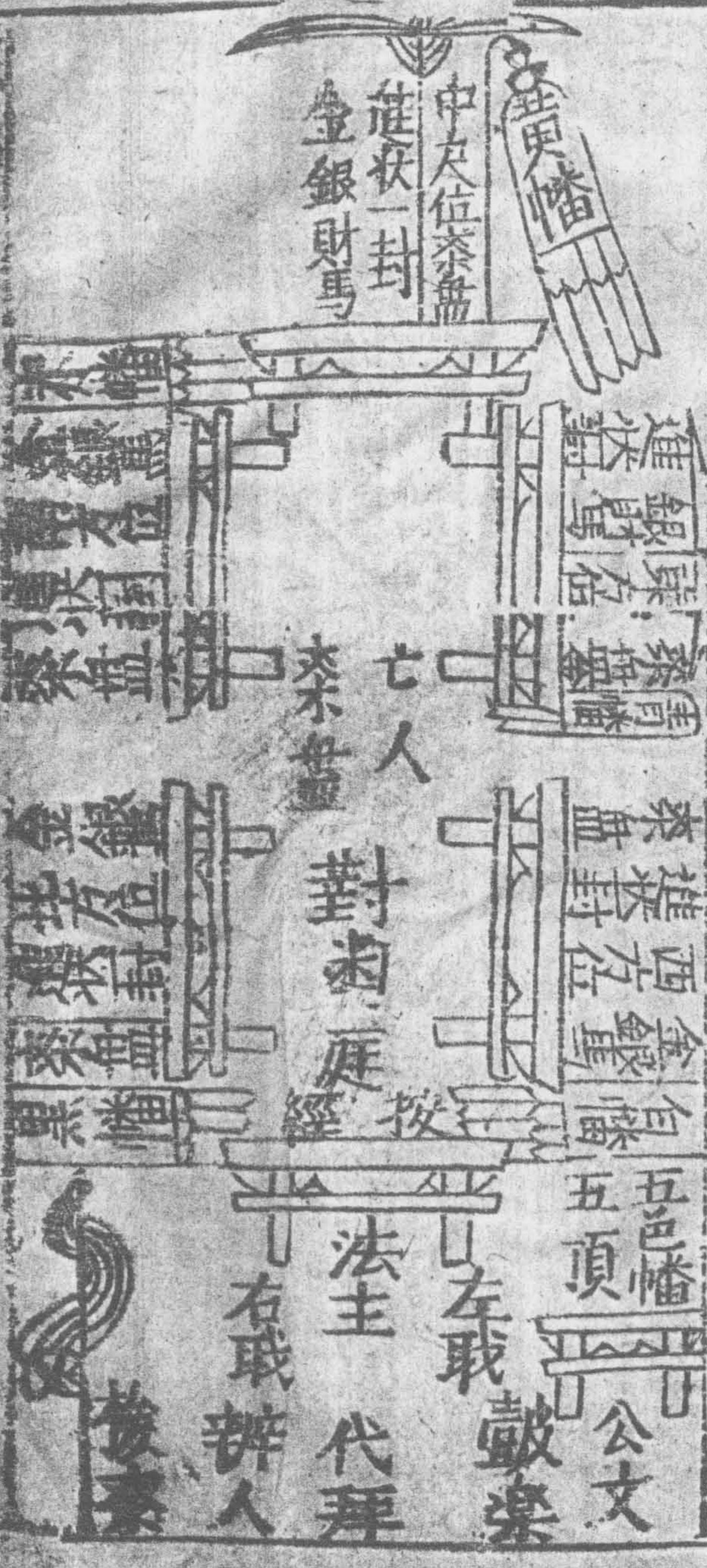


三寶幡伕
香
香
右四品
左四品
十伕大伕
香
香
右班上僧
天府天府位
右班下僧
水府水府位
右賞院
左班上壇
左班諸位
左班下僧
地府地府位
左賞院
金闕門
金闕門
金闕門
伏拜

開壇辦牒一封進狀五封冥衣五領冠帶鞋奏盤

大向幡五頂公文隨方請幡詣奏主捧至上額懸

情公文受幡至尺引本方伕到神去錢十貫米如法

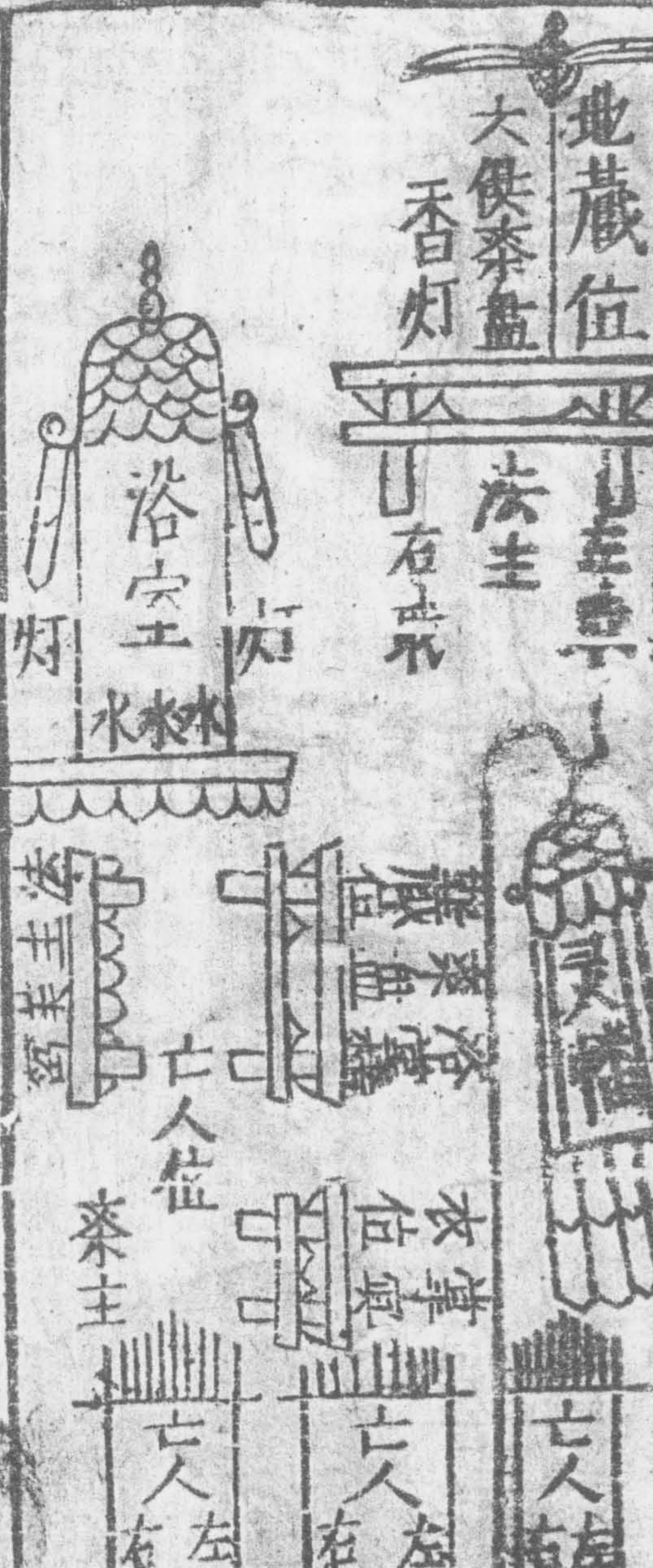


召灵筵排辦儀花衣一道茶盤一面置于庭邊浴室

向安曰北方也盡 用木盆三件燭二束故曰左

女右侍請亡人至浴堂沐浴更衣於浴室前畢

引灵至三室前參礼如法



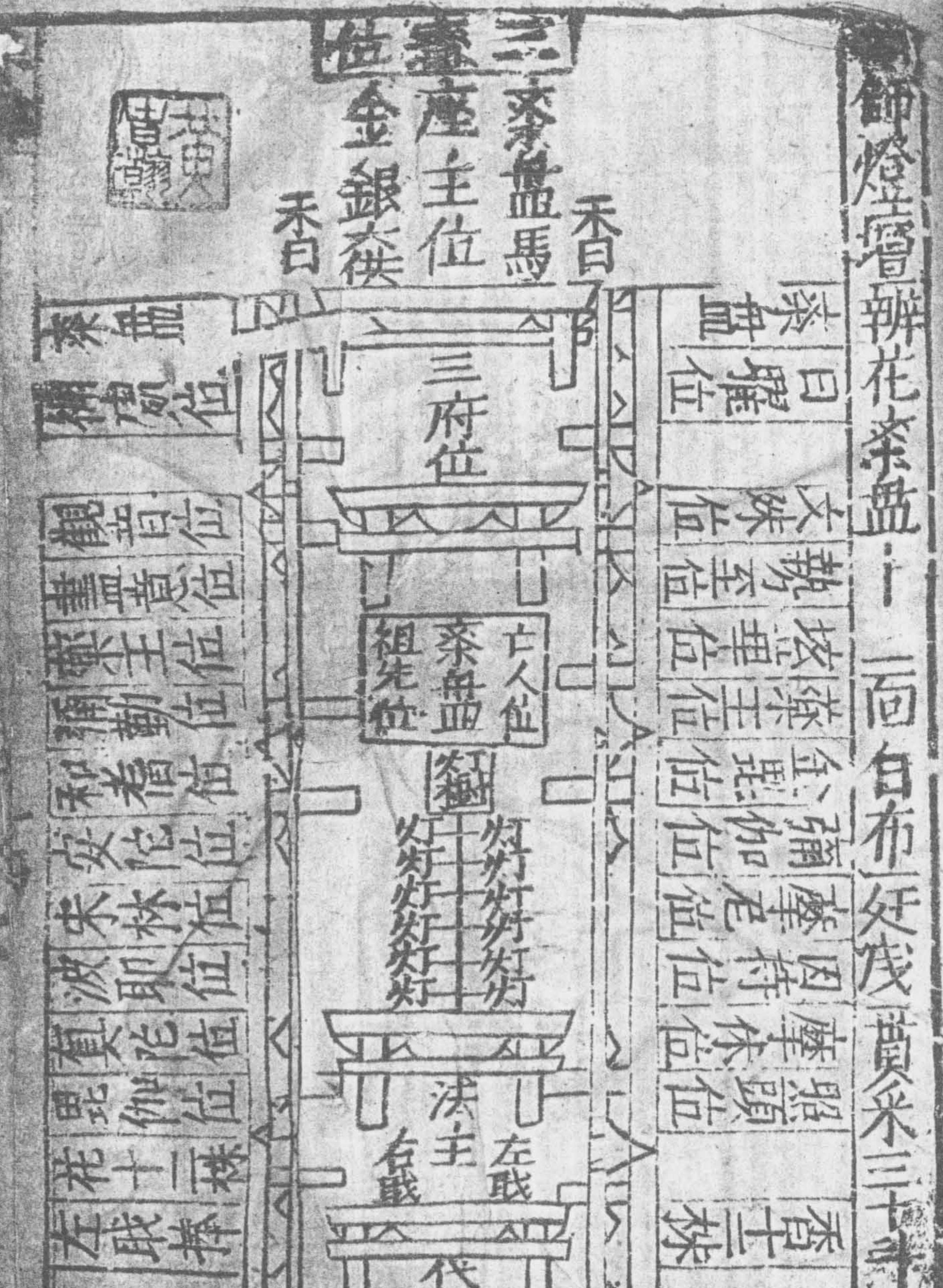
[illegible]三府倭用綃天玄地黄水白旗駕朱書青錢一貫白布覆藉朱書二段獻樂鉦鼓器迎金旗前叅礼三寶畢引至本位天水上左菩薩在班右佳位在菩薩下地府上右降左在菩薩下班佳位公文引橋辨壇二人持灯炬時引灯前橋旛引後至本位佳處



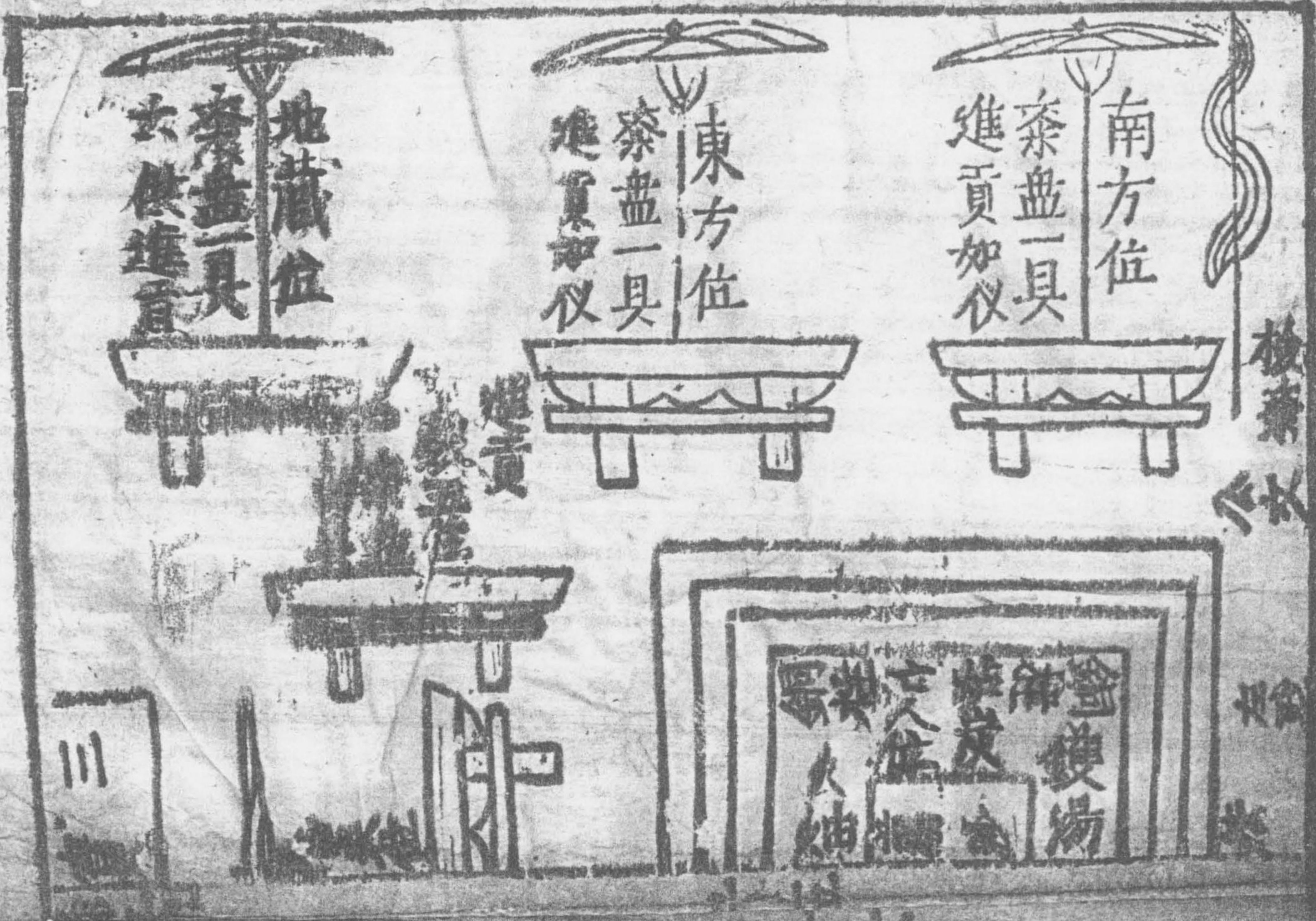


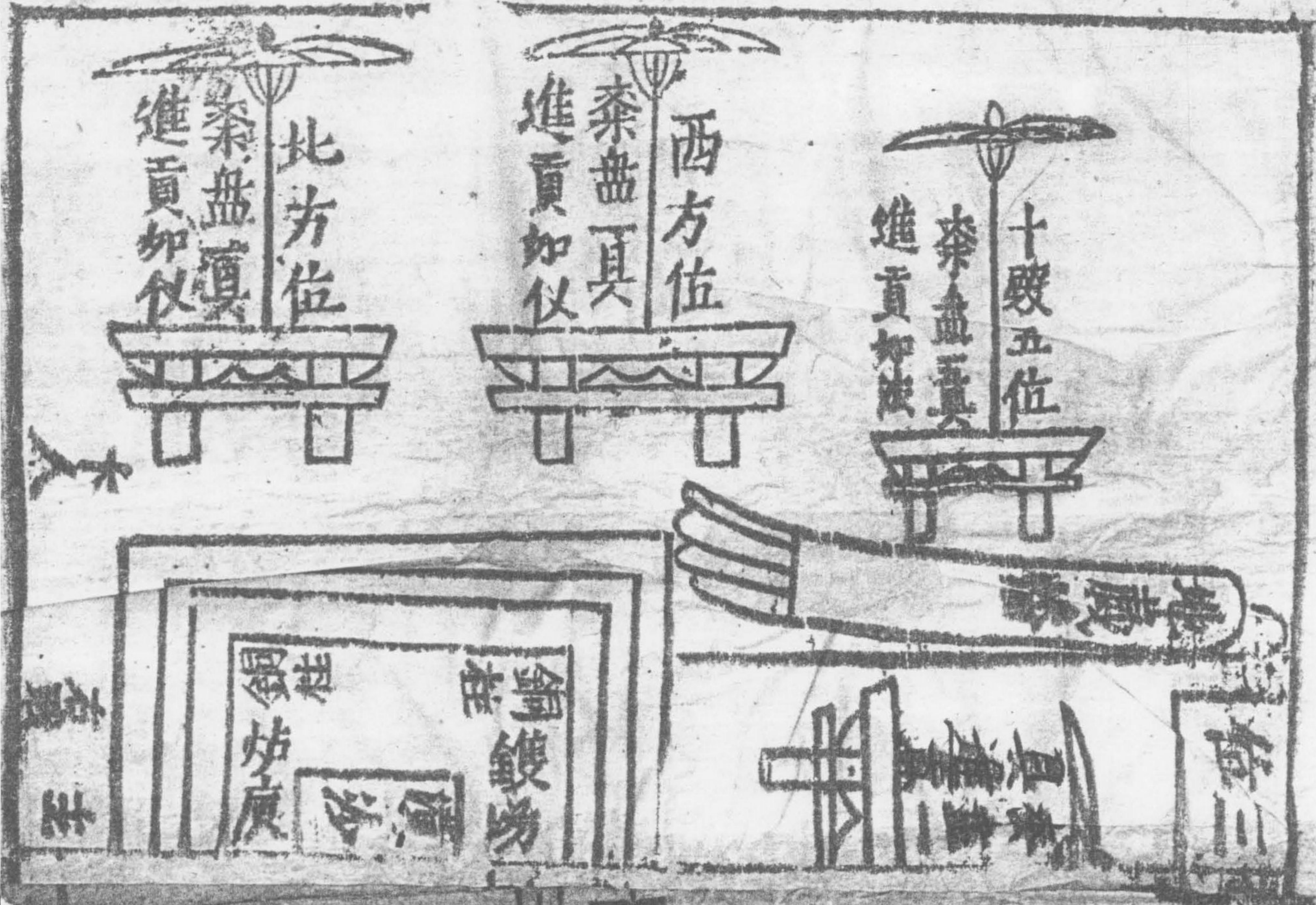
水府幡
天府幡
一盞
一盞
筆硯
接前
朱書
鉦
主
法
火器
火器
火器
鼓樂
代拜

師燈壇辦花茶盤一 一面 白布一疋 錢 黃紙三十張



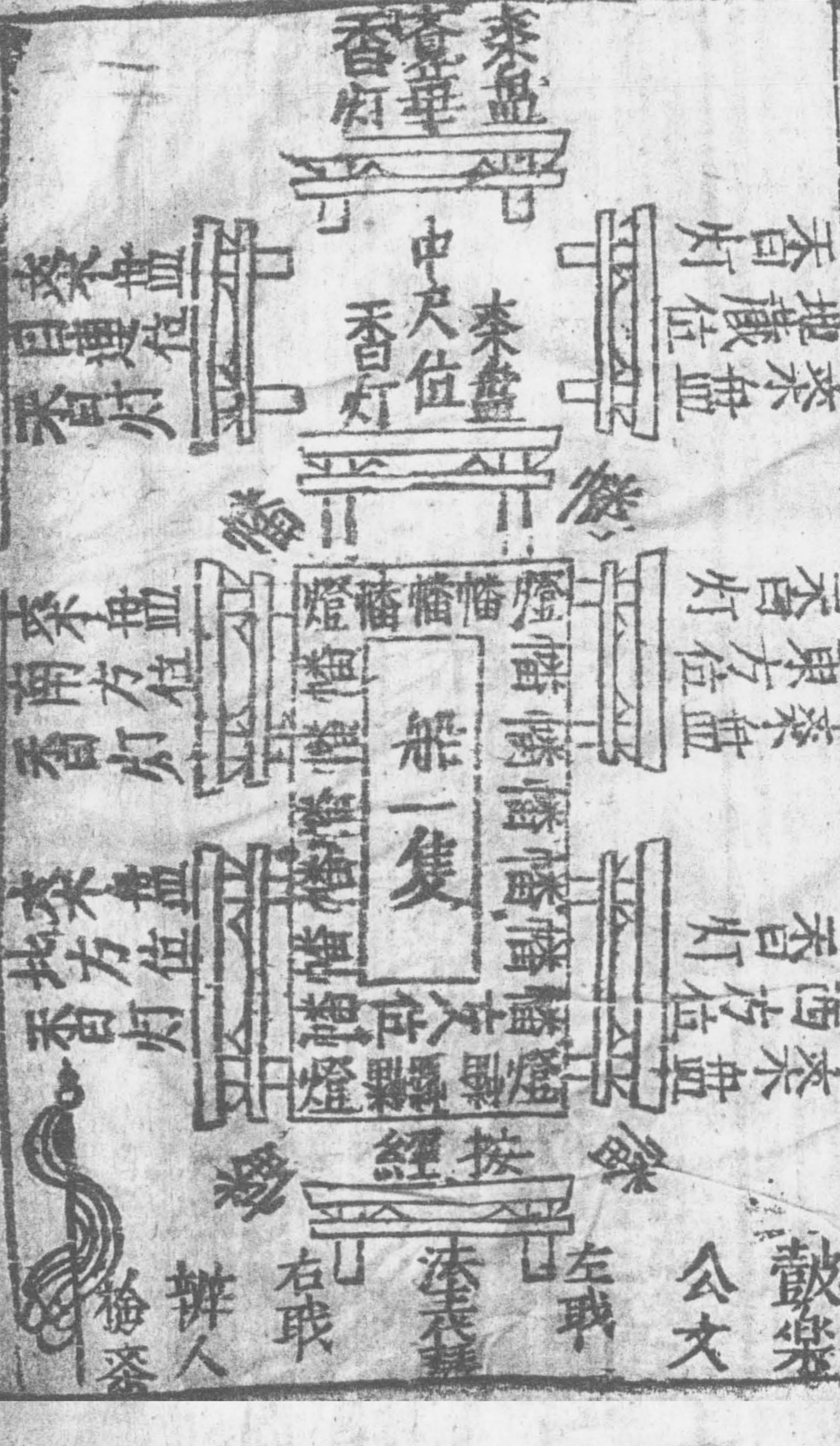
地獄壇辨儀五道疏一函進狀白布一疋圍坛鉄鏁
五件桐柱鏡一面銅鍋一口銅鐺一口鉢十五口
楪二十口米三十斗右錢五貫黃絹一段白紙一百
帖七件油一盞黑布一疋壇置卓子十件四角四
開四門擇日前置壇筮吉沙聚會地獄論四門各
四縣外有疎籬包外内有密籬包内四角筮四柱
燈鐵幡一爐如法
置三聖内監地獄
置五方地獄官在五門
壇辨圖坛


南方位
𥹥盘一具
進貢如仪
東方位
𥹥盘一具
進貢如仪
地藏位
𥹥盘一具
三

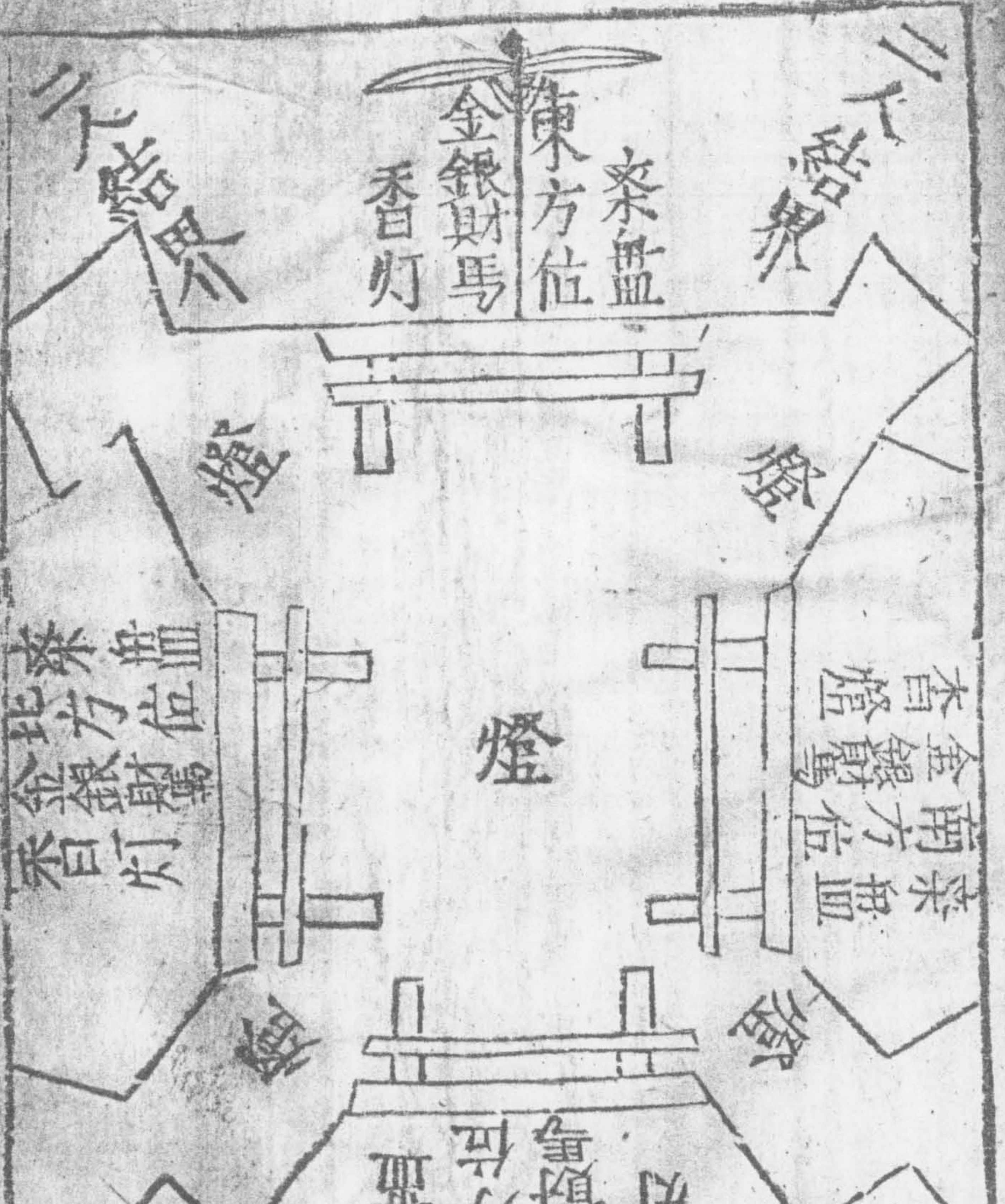


北方位
進貢如仪
西方位
進貢如仪
十殿五位

血湖破獄辦置同如一体



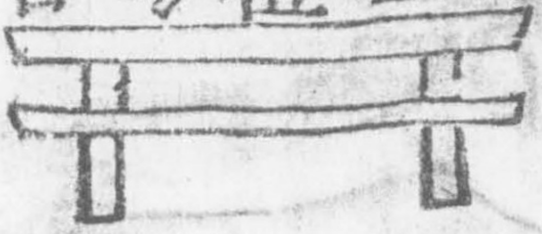
建壇治壇置辦卓子七件白布一疋手巾法主一條
七尺三寸用白綸手巾顕按護師用白布十四尺
分二段包頂厭白布正伽二人七尺新鍬一双銅
鑼一口銅鐃一件古錢五貫米五十斗酒五埕美
醔五匣中蓮遊案置壇四天王古錢一貫二人左
珉唱結五方五部天相五方五部灌頂五花如法
先預日置壇土塲一口大土塲一口枈盤五面奠
衣大五邑五領冠帶五件帕五件
先置請庭遊無請庭遊置在家案伏前如法
三日至七日可用



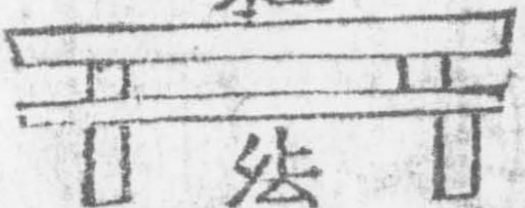
桌盤
東方位
金銀財馬
香灯
南方位
桌盤
金銀財馬
香燈
北方位
桌盤
金銀財馬
香灯
西方位
桌盤
金銀財馬
燈

放生壇辦卓子二件紮盖一冋小轎七如來一株錢
一百文引衆生參豈置於佛前或鄂或奧遇於豈
罹業而赦之故也

香
紮盖
大聖釋迦位
金銀財馬
香



拔經



左戥
法主
右戥

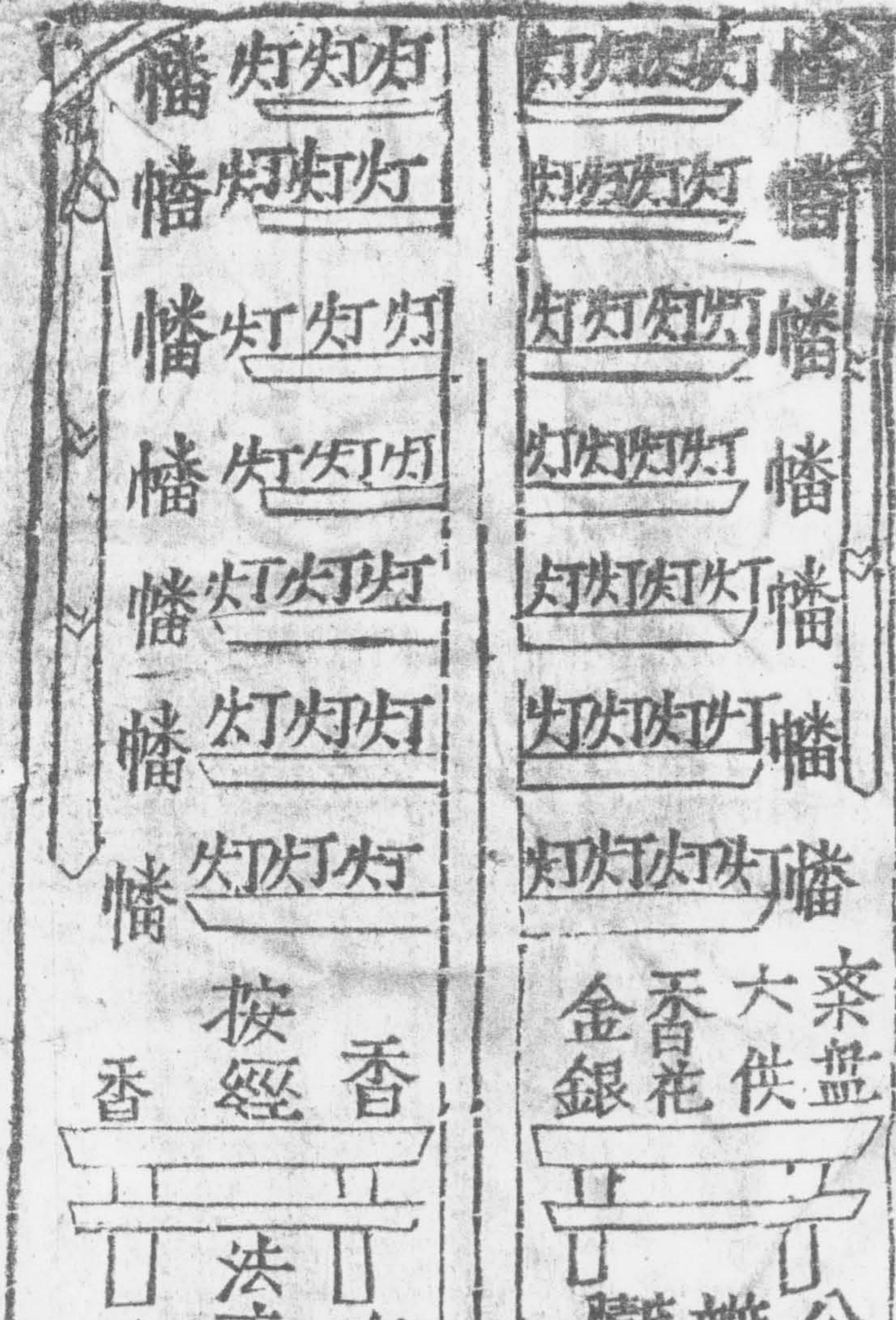
獻樂
參豈
飯食
衣羿
辦人

放水燈辦置佛前桌子二件素盤一面冥衣一領冠
帶用七七四十九燈大用小用七燈七房無遮水
陸一百四十六燈一百四十六房別請長江放之
如法

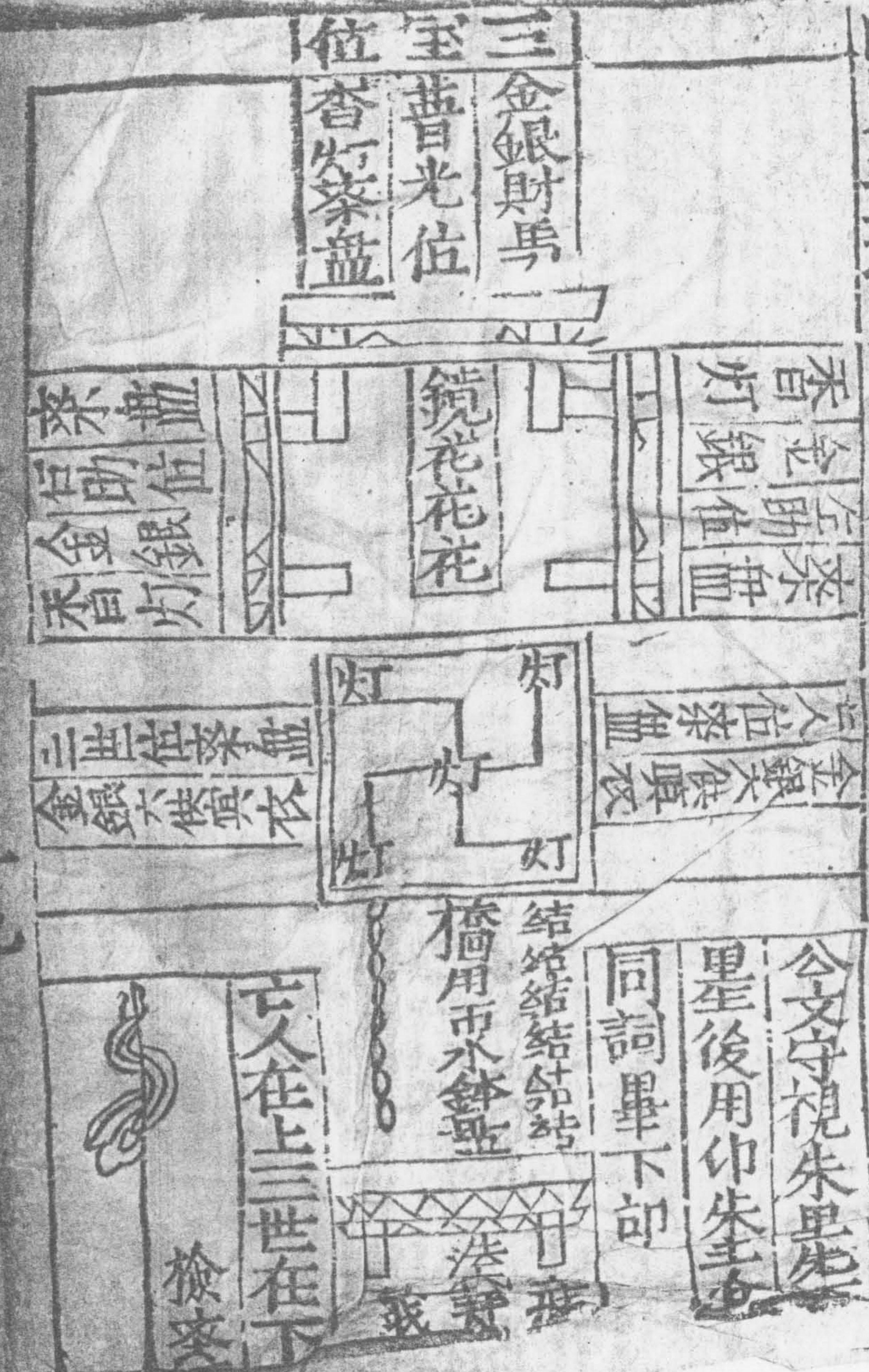


藥師燈一樹辦置佛前用七層一層層七燈一層七幡

桌子二件幀一柄作高二十一尺濶四尺如法



醮冠結壇用札物依如內公文



菩提傳授戒牒用獨菴紙并畫三室前法主用月輪
仰內愁男录剎女尋座戒月輪也先置菩提牒考
止身功德牒置左身公據牒置右牒身故曰天有
三光地有三教人有三魂生者三魄死者三牒故
日成心月也故曰天有九星地有十柱人有七魄
天有一性地有一性人有一性故曰伏有三實故
曰父生母養之恩　故曰尋光報父母也
文娶動房可用月輪也
文昏指嫡成伏也父養母養不成月輪也
五服不用也

三寶位



案盞六供
普光位
香灯金
銀財馬
疏狀進
鏡
花
花
花
案盞六供
右助教位
金銀供進
金銀供進
左助教位
案盞六供
金銀六供
三世位案盞
金銀六供寅衣
亡人位案盞
宣疏衣二領
灯
灯
香
灯
灯
橋
布
用水鉢盆
上
手
結結結結結結結
亡人在上三世在下
換衣
左戒
法主代戒
直戒
啓文宗硯朱墨
先卜墨後用硃朱
至合回詞三寶

覺善提延傳戒牒用獨竜絹紙幷畫裏三宝

當法主用月輪卯內想男尋刹女尋空

寅月輪也左右二戢開讀攻文賞別牒

至靈床前宣。法主本命屬用手不用支

。加持五部所屬甲乙木丙丁火庚辛金玉

癸水戊巳土部。授菩提軍迎別三府牆還

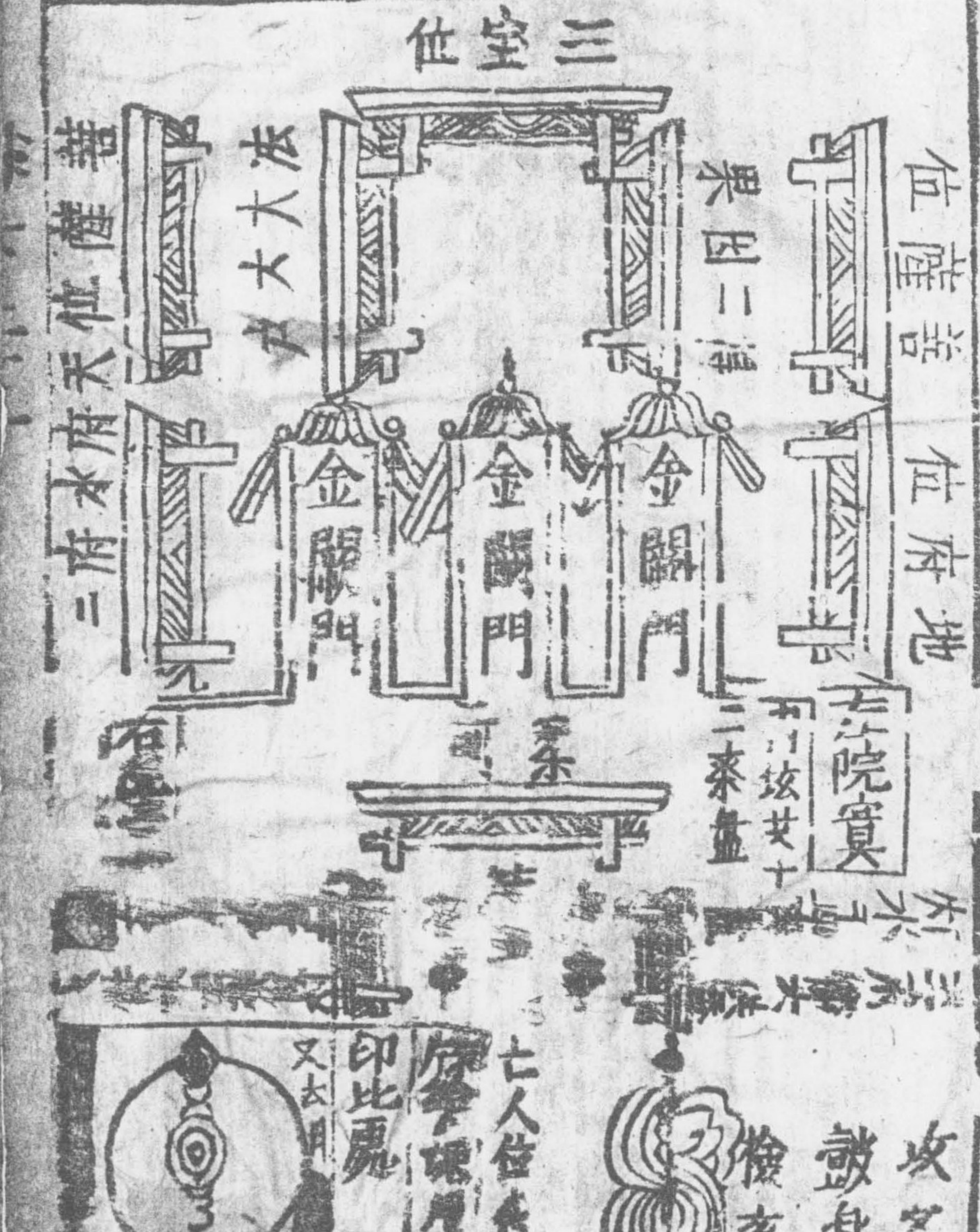
本位撿案壇即一迎本位。壬子癸丑艮甲卯乙

辰巽巳丙午丁未坤申庚酉辛戌乾亥

以角五股從向師角至辰。向目以吞五股為中卯以

水盂覆之戒卯也。有持戒用菩提無持戒不得用

三世班位



君孫堗侵用夜時寢君孫堗爾男道用 黃

東艮方陳設物卓子三件木等二件衣

椅三件幷褥附香奩幷燭一柄谷室二座香

木盆漆盤三面尉 四十九幡五十九絛聿二件

大戟足用宜衣多乜 一領一件裳衣衣鐺

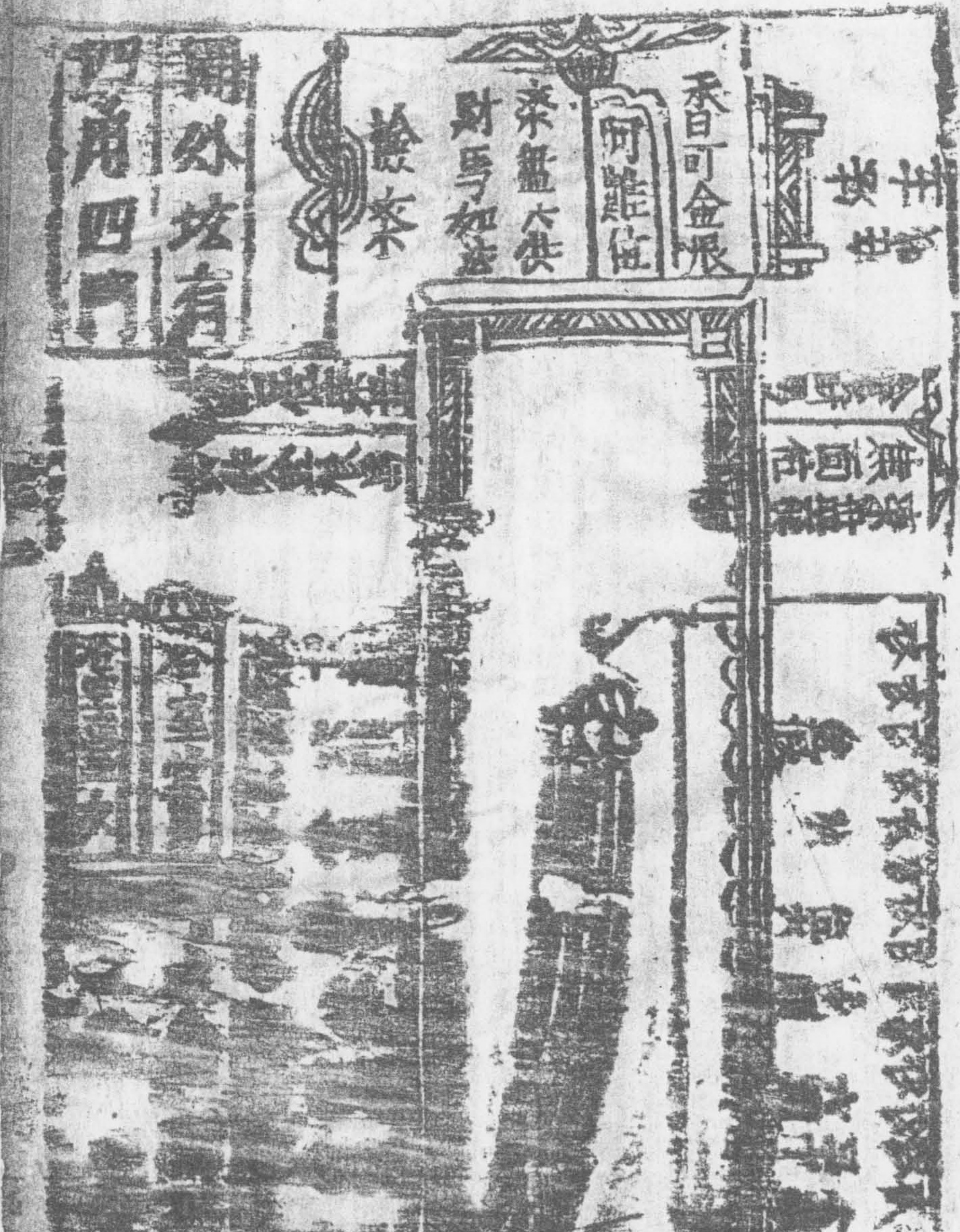
帽二付紫朝衣幷冠帶替三双十要色男女

多。君孫堗至手替化宜衣亜漆合巳三五孫堗

幡至矢前糸礼三室二要儀里前[illegible]左金

阿難伽前左右唱誐者[illegible]尉食說 筵

明日不可用


祭盤大供

大道篋[illegible]寶[illegible]件[illegible]身在

用皇[illegible]五索盒六[illegible]匣

件燈鐘二二盆二[illegible]一ㄅ[illegible]玉[illegible]

爵五爵[illegible]二壽華五竟[illegible]三[illegible]色

爨各五倍盞爵秦爾各物[illegible]

桑五件鉢[illegible]各二倍[illegible]

斤鑊鏇各五件易一罐[illegible]黑泥一竜舟[illegible]

[illegible]大聖真相一隻高一尺五寸　三界掠剩大夫一尊

高一尺二寸　十二時辰十二相各高十寸全立

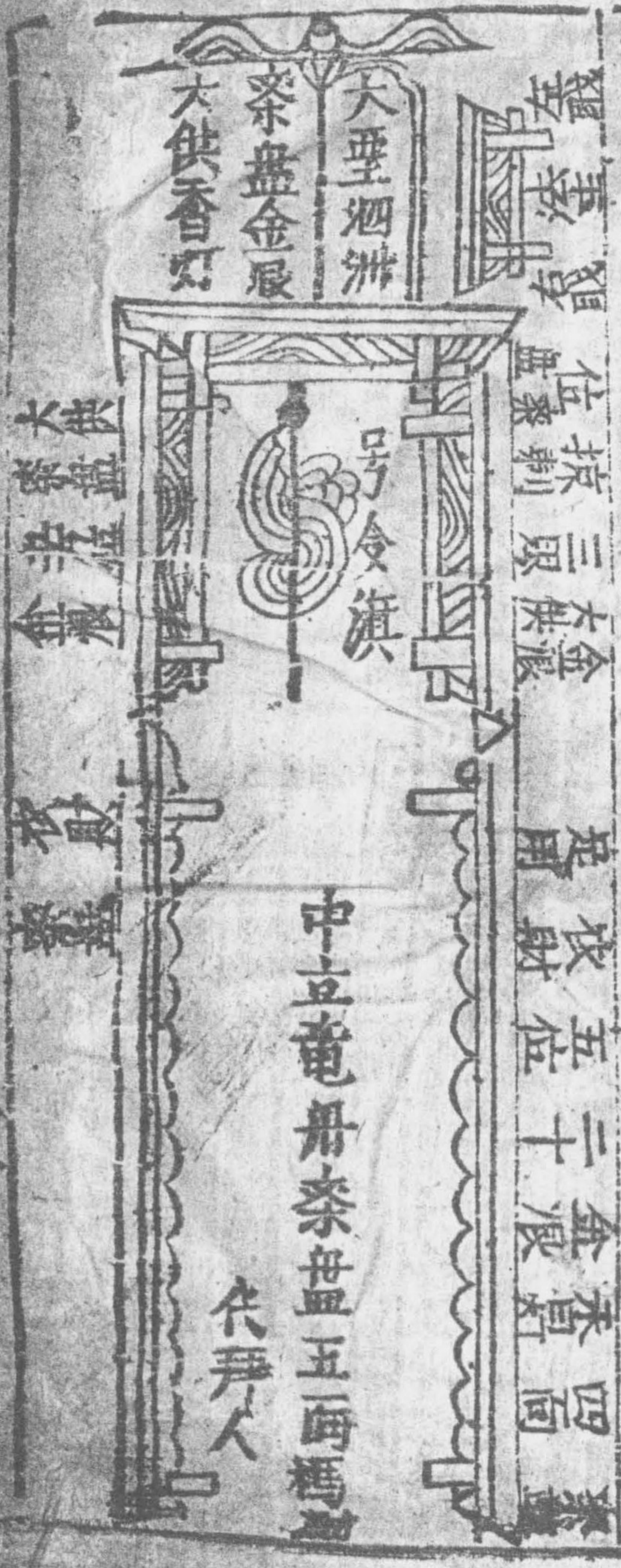
爐神　五相扎首人首馬首牛首狗首五人身

尺二寸。稍公一相高一尺二寸。次而人首神一相

高一尺並立器械什物各五件大小赤旗共十柄

五色旗共五色相同扇二柄黃傘一柄竜舟中挿位

竜舟長七尺闊二尺三寸。法主遣船之日送之方



竜舟一隻五方五顏五色長用五尺



天輪燈圖宗面安上八位星有九位蔵一

[redacted]

[redacted]燈圖兩面安大道位法主先就壇前至東北方

[redacted]時遶三匝以左手點燈其曰某星起在某方次

[redacted]壇點坐。九作燈炬每炬一尺燭中炬位尊一

[redacted]高二寸以厥硯作圓坛圖四內置五十盞燈以

[redacted]疊作方壇開四時內置十六盞燈

五十三口燈



地輪燈圖法

二十八口燈

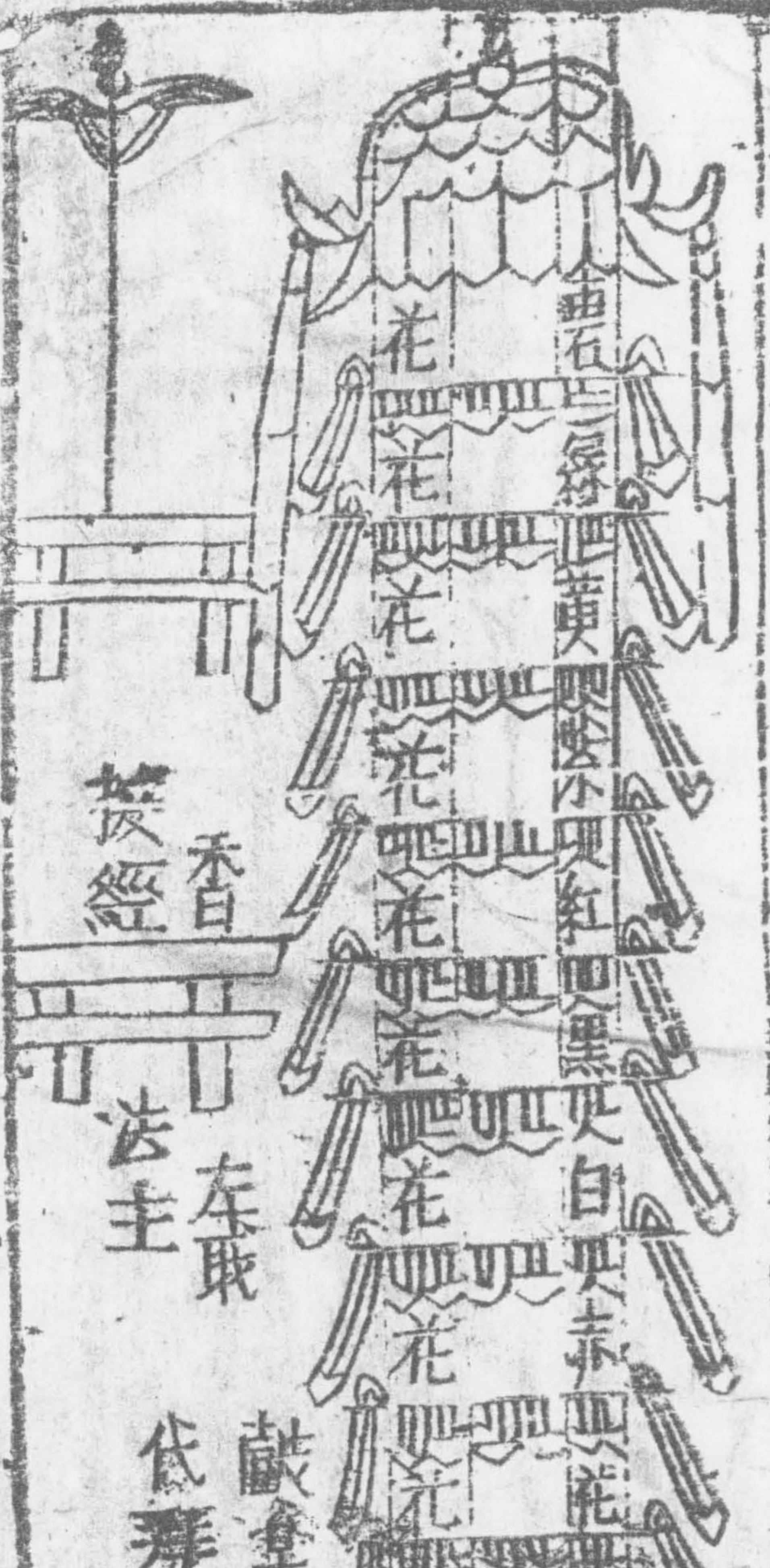


地有 衆益 天右 衆美

九品蓮華九層一層十八像佛觀音勢至彌陀接引

亡人上金階若乘與九品不成來是迷歸也先置

卓子二件白布一疋用畫蓮華依度魂引亡也



○部會壇物序

築壇一座或八角或四面有欄楯勿墻外疎離內密

辦炊法

鉿鎲一柄 鉿鐺一柄 六刀二件 鉄鏸二件

中刀三件 鈹刀三刀 利刀鋸二件 鉿圓莫二件

筆墨硯紙各件 大麿繩五十尺 小麻繩三百尺

鉄鑿二件 太銅鑼二件 鉄鐺二双 長一尺二寸

鏞白疊絹三尺 廣狹量核寶蓋一頂 廣量垓卷竜面

大明鏡九面 縵八道 用五色絹每色十尺 香水一瓮

塗香一盆 四方逐色幡各二頂 東青南赤西白北

黑各無方二頂中央黃色四頂四角雜色件四十
頂掛上若掛下無四面鈴珮各四株並長短量拯
用銅錫大賢瓶一口用錫為之塔礙香水五鍾
伽瓶十三口或富貴者用銀銅錫或庶人者甆
為之五色線纏絃三匝各一盆白粉一鉢
新筆一柄候蟲絃包閼伽瓶幀手三幅各長二尺
用黃絹大明鏡掛絃二十四面
五味香 沈香 白檀 薰陸 龍腦 蘇合香
各五面 ○用五寶
金五錢 銀一兩 珍珠三十紇 珊瑚十紇 瑪瑙十紇

用五藥 人參 甘草 川常 蔄豆蔻 白豆[redacted]
各五封每封一兩
用五穀黍稷菽豆麥各五封宴領五友核錢[redacted]
五貫盞油香酒四物每物五埕白米五圓甚
以外鎮信物用
聖僧法服 柔皇法服 英公法服
袚衣二領 瑜珈二頂 袈裟二幅 五字二高
羌勰二反 拄錫六只 旐扇各三柱
赤朝衣一領并鞶帶

又翻會設儀用七匣為則且廣地量之若狹地畧
用五匣或三匣亦可做之為掩若作不成啓旬且有
褁是故註券

初匣

次一匣金剛力士護持　次二匣神仙相立兼蓮花

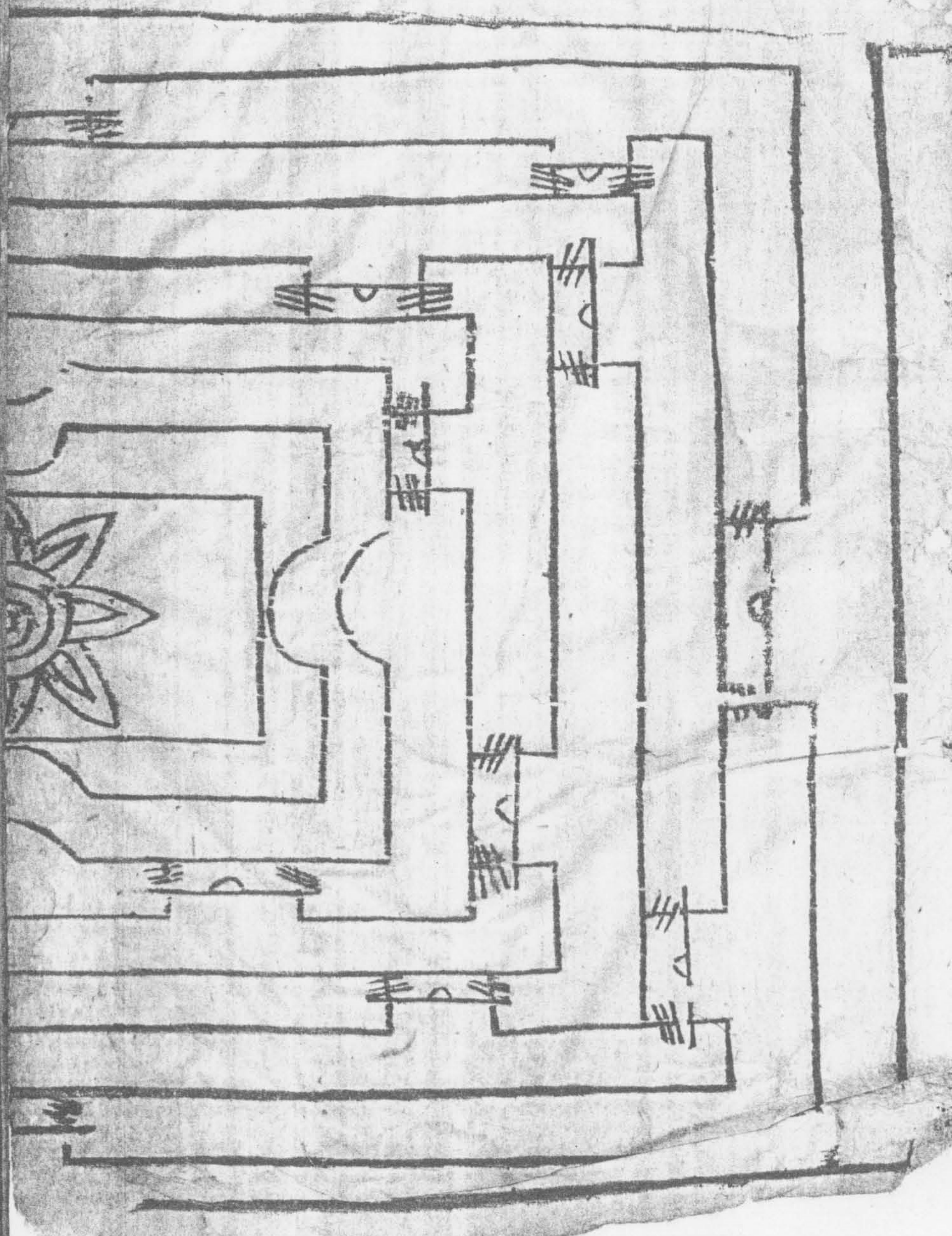
次三匣二十八宿蓮花　次四匣諸菩薩相兼蓮花

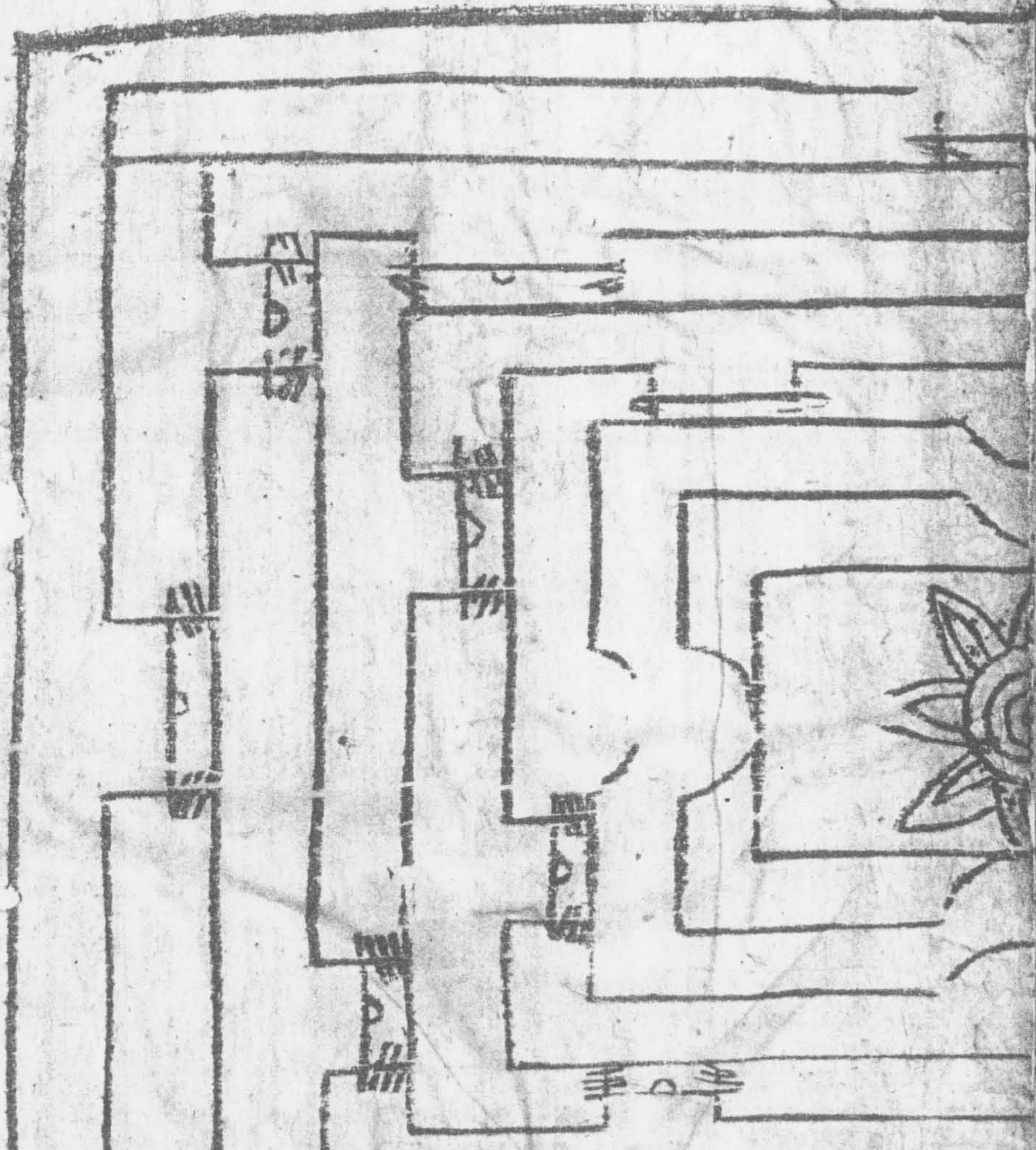
次五恩子將會同　次六匣金童玉女兼蓮花

次七匣諸天聖賢衙壁挍中大佛世尊指

五個梢墻妙荷冕男女蓮花一百六十人

發昔日天相相公左門挍　擎月天李相公存門挍





增補毘尼呪 入寺呪 先三禪指若入寺

當願衆生 升于上堂 安住不動

唵阿密栗帝吽叭吒 三遍

持外珠呪

稽首皈依釋迦文解脫有情調御主能宣無上

法王城成就無窮悉地。 浣衣呪 一

臨流洗浣莫庸八衆衣壹衣垢不中上下鄉單

薰香身心動念肯鏘鐸

南離垢地菩薩摩訶薩

手鐸呪　擲擲擺蛾頭　昔日與無為

後來成法器　功德不思議　南無釋迦牟尼文佛

漱口呪　漱口連心淨　運百水花香

三業恒清淨　同佚往西方

唵玉壽香玉蕋香清淨光派下　七返

看病呪　見疾病人　當願衆生

知身空寂　離乖諍法

唵室哩唆室哩唆軍吒利莎賀

掃寺及僧堂呪

帚尽從前立反摧依然滿地是塵埃等困和栖

都攏都總　手曇雲花帚上開

唵捨婆捨婆除諸污穢清淨莎下

灑水呪　灑水塵須敬々須細虫迷勝可傷

情若遺謟洒羅乾死不免

依前是殺生　唵阿羅吽叭吒莎下　七変

舉木魚拜沐板呪

架在梁間業障多敲聆託取念彌陀從今忽得

菩樹提莫向人間作滾波。 炊糕呪

唵南無智慧精進莎下 印糕拜進糕呪

唵悉陀林嚴都悉陀印莎下 燃燈呪

唵三聆光明薩下 三度 滅燈呪

唵藏燈〻生天佛迎天吾今藏燈哩曳莎下 三度

繞塔寺呪 始啟繞塔 當願衆生

施行福祐　究竟道意　達塔三匝

當願衆生　得一向意　不絕四喜

小便呪　五濁混穢却除根輕安泰然身体

無碍　唵定泥渡吒摩尼莎下

外野大便呪

勅土地神祇速去不歸天地閉戶萬神不知急

急如律令　尚太上法　奉小鐘斗呪

蘊曾於無票妻瑞僧伽大雄憐憫以號虜嗟

皇覺解脫常住摩耶

南無釋迦牟尼仸　　係請呪鍾讚曰

願此鍾声朝法界鉄圍幽闇悉遥聞々塵

清淨証圓通一切衆生成正覺文鍾声頌

憒生智惠善提生願成仸度衆生

奄伽羅帝耶娑婆訶　三変

南無觀世音菩薩　三変

請鼓呪

朝晨齊集晨日〻請上堂時文法鼓買
聖集來光放邪魔外道同付慈悲居敏
堂諸佛菩薩來降下顯祈國泰靜安康
南無本師釋迦牟尼佛
三声

埃匕享禄自然　七祖九玄調特化生
甘露渚洒淨清　備匕金相坐屏蓮花
都蕭樂撫唱歌　默行核宝夜匕安都
中元放赦牢囚　目連拔引闇浮經空
自爾得道成功　同解享福国中睦駢
圓鼎寶義萬全　有衆無衆脫蓮咬匕
水清月現澄匕　多汗懸嗯撅墨倍塵
埃匕隊德皇恩　十八地獄乡恨喜歡
牛頭馬面千班　調時放赦凱还天君
勸身善信孫斯　舍脩朱氿竚仁渚發

實其果報無差　埃和財持氏理持全
行𠃅傳底千年　目蓮戒侯成佛創造

南無阿彌陀佛

天子萬萬年之壽　○

目連本行發畢　○　降魔偈

Mục-liên bản-hạnh

Tích xưa đức bụt Mục-liên 目連
Thương mẹ tìm đến Tây-thiên tu-hành 西天
Ba năm chứng quả viên thành
Một bát một mình nhẫn-nhục từ bi

Thanh-đề từ thuở sinh li 清提
Đội vằng sa ngục A-tì khốn thay (廵) 阿鼻
Diêm vương đối (堆) hỏi đòi (隊) ngày
Dương-gian thiện ác, biết hay ca lòng (歌)
Phán-quan kiểm bộ tiền-đồng
Mở sổ rõng-rõng biết sự ngay gian
Thanh-đề nết ở đá (𥒥) đoan
Thấy (体) người (㝵) đói khát cơ hàn chẳng thương
Sát hại lục súc ngưu dương
Bỏ tha vật mệnh phỉ thương báng tăng 誹
Cho nên quả báo chẳng (庄) hằng
Nhĩ tác nhĩ thụ, đọa chủng u-đồ 爾作爾受; 紐塗

Con tìm mười cửa Phong-đô (豐阝→豐门) 酆都
Chẳng thấy từ-mẫu biết hồ (胡) làm sao

(5) Thanh-đề: mẹ Mục Kiền Liên
(7) Đối hỏi: hỏi một cách vặn (so với đối-co) – Đòi ngày nhiều ngày (8) Ca: trong

Brở (把) về bạch Bụt thấp cao
Còn có ngục nào vâng phép lại đi (修→趁)
Bước qua khỏi dặm Bách-kì 百岐
Coi thấy (體) cửa ngục thành trì ghê thay
Tích-trượng cầm ở ca tay 錫杖
Gõ (枯→拈) vào cửa ngục mở bày xong-xong 双双
Ngục-đầu ngục-tốt tây-đông 牛頭
Vâng phép đều cũng (共) phóng xá tội-nhân 放赦
Thấy mẹ khổ-hải trầm luân 苦海
Bằng dao cắt ruột mười phần quặn đau

Thanh-đề mới bảo trước sau 清提
« Mẹ phải cơ cầu (飢梂) nhiều nỗi (挼) gian-nguy 閒→危
« Từ ngày thác xuống Âm-ti
« Mẹ phải cầm ngục A-tì khốn nay (䞍)
« Ơn con báo-bổ làm chay
« Phá được ngục này, mẹ mới thoát thân
« Chẳng (庄) còn bén (变) chút phàm trần
« Bổ tiên nơi ngoại song-thân hoà đồ 和途
« Được ngồi Cửu-phẩm tiên-đô 九品仙都
« Tống (迷→送) thực thiên-trù hỉ xả từ bi 天廚

19.- 把 xưa đọc Blả
22.- Tiếng thấy viết 体 (12) hoặc 體 (ở đây) — 23. Tích trượng: gậy bịt thiếc của các tăng dùng đi đường — Ca: ở (x. 8) — 24. Xong xong đến hết mức — 30 Cơ cầu: ý là cơ-cận (đọc cơ-cần?) mà làm ra.
— 36 Hoà đồ: có lẽ muốn nói: cả mọi đàng

Mục-liên thuở ấy mới đi (遶)
40 Tìm chẳng thấy (体) mẹ, ngồi thì hỏa lò (爐)
Mười tám cửa ngục lạc (樂) tù
Thương mẹ thay lại (𠸗) tìm chẳng thấy đâu
Dòng dòng nước mắt thâm (深槐)
44 « Mẹ ơi mẹ hỡi ở đâu thương này.
Bụt bảo Mục-liên rằng bay (悲)
« Mẹ ngươi bấy chầy cầm ở Phong đô.
« Mười tám cửa ngục lạc (樂) tù
48 « Non cao cộn cộn (𠯿) Phong-đô rậy ràng (曳券) »

Mục-liên coi thấy chẳng đang
Bay cầm tích (昔) trượng (丈) gõ ngang cửa tù
Thanh-đề ra (𠺺) hỏi sự do
52 « Người nào hay (咍) đến (典) Phong-đô chốn này? »
Mục-liên thưa lời rằng bay
« Tớ (细) đi tìm mẹ chốn này là nuôi (挼)
« Bụt đã bảo tớ mọi lời (㗂)
56 « Ơn nuôi đời bảo mẹ này (𣋚) ra đây 恩 + 鬼
« Ơn Sứ vào bảo một giây (之)
« Có Mục-liên thầy tìm mẹ phu-nhân

39: Đi viết 遶 ở đây và 𠫾 ở 2 (20) — 40 Hòa : cả — 41 Ngục lạc : (rạc) nhà ngục. Đây chữ lạc viết 樂, chỗ khác viết 落 — 42. Lại 𠸗
43. 深槐 — 45 Bay 悲 : vậy (x 53) — 48. Cộn cộn : nơ cao lắm — Rậy ràng : náo động ồn ào. — 50. Tích ~~việt~~ 昔 ~~越~~ trượng viết lầm cả hai chữ 錫杖 — 51. Ra 𠺺
53. Nuôi : tiếng xưng hô người mà mình khá nể nang thân mật — 58 Nên để ý đến cách đặt chữ bị chỉ định ngược, theo văn phạm Hán ngữ

Thanh-đế mảng 啳 tiếng than thân:
« Mục-liên tên ấy, phu-nhân khôn nhìn
« Dương-gian ra vóc (罒卜) con mìn
« Tên thì (時→時) chẳng phải Mục-liên đâu là (罒) »
Quỉ-sứ khi ấy lại ra (口罒)
« Mục-liên chẳng phải con bà thân sinh »
Mục-liên lại bảo phân-minh
Dẫn dụ sau trước chân tình cho hay
« Mẹ sinh ra vóc thật rày
« Xuất gia làm thầy, cải hiệu Mục-liên
« Đêm ngày thương mẹ đi tìm (尋)
« Bụt cho một trượng tích kim (錫金) con gẫy 棋?
« Thầy vậy tìm đến chốn nầy
« Ơn muôi ngày rày bảo mẹ ra đây » (口罒)

Quỉ-sứ vào bảo một giây
Thanh-đế mừng giữ (口者) các rày tù-nhân
« Con tôi có nghĩa thấp phân.
« Xin ra cho? (粖) biết, kẻo phần đợi trông »
Thanh-đế ra cửa Đông-phương
Mục liên coi thấy cúc (菊→躹) cung tạ từ (祠→辞)

---

59. Mảng: nghe — 60. Ra vóc: coi ra là hình thể — Mìn: ta
70. Gẫy 棋: gậy

Đôi hàng nước mắt bằng mưa
«Mắt 𥉴 mẹ hòa khóc qua rửa thương này
« Thì vận quả báo chẳng tày
« Nhị túc nhị thủ ai rày chịu chửa cho
« Bấy chầy mẹ thác phù đồ 浮塗
« Mẹ ôi quả báo Phong-đô nhật dạ 日夜
« Áo ăn làm thấy xấu xa
« Ba năm tư xạc (落) thật đà gian nguy
« Bây giờ chẳng có của chi
« Khi trai quả thực mẹ (嬪→媄) thì xá (赦) ăn »

Lòng còn độc (toan:) 算 dở (業) làm ngần (→毒
Ăn chuối bỏ vỏ tu-nhân ăn mày.
chẳng cho, lấy chân đạp dày (踶→踏)
Mục-liên coi thấy thương thay tấm (彡) lòng (ca?
« Thổ âm quả báo làm xong (lòng I ?)
« Ước làm sao (牢→牢) khỏi thoát vòng u-minh ? »
Mục-liên niệm cứu hương kinh
Hóa bát cơm trắng hóa hình mẹ ăn
Thanh-đề chịu chẳng làm ngần
Và (搀) chưa đến miệng (叫→呬) cơm rày ra than (口歎)

Mục-liên nước mắt *hoà* chan

100 « Mẹ ôi mẹ hỡi *bàn hoàn* thương thay

« *Thế âu* quả báo còn chầy

« Mẹ con nhiều nỗi đắng cay trăm đường »

Thanh-đề chịu những *tư-lường*

104 Đọa thân làm chó, chục trường(長) ba năm

Dòng dòng nước mắt *chiêu đăm*

Chịu làm thân chó cô câm (今) khác loài

Nọ ngày mới được làm người

108 Vì chưng quả báo chẳng sai đâu là

Thu tội khốn khổ ai qua

Rày mới *cốc tính* sự đã biết hay

Nhờ (汝) ơn có Mục-liên thầy

112 Minh tâm kiến tính thuở nay ai qua

Dũng([illegible]) làm thủy lục chay [trai] già

Kim ngân châu báu phát ra *làm ngân*

Trước là báo đức từ thân

116 Sau là thất tổ trầm luân hóa hồn

Cũng nhờ đại-pháp không-môn

Bao nhiêu hoạnh-mệnh 橫命 đẳng hồn thoát ra

Tụng kinh liên tiếp nhật dà
120 Khai phương, phá ngục hiệp hòa lâm nơi.
Chuyển luân pháp-cổ vang trời
Thỉnh thập phương phật hộ nơi chúng đàn
Thanh-văn Bồ tát hai bên
124 Đồng trợ công đức mãn, viên thỏa nay([illegible])
Tụng kinh Huyết-bồn khi này
Trung-nguyên xá tội thoát rày Phong-đô
Bao nhiêu địa-ngục lao tù
128 Cũng được thoát cả tiền-đồ thanh nhàn

Mục-liên nhờ đức từ-nhân
Muôn viên bạt độ trai-đàn tiến tu
Huyết-bồn đảng chúc cửu-ngục
132 Quang đàn tam tiếp Phong-đô rành rành
Bao nhiêu tù ngục rạc hình
Buột tiền xá tội siêu-sinh lâm ngần
Thanh đề từ ấy thoát thân
136 Khỏi loài cầm thú cổ tâm từ rày
Nhờ (xã) ơn có Mục-liên thầy
Các các môn ngục đều rày hoá tiền

Ai ai hưởng phúc [tội] tự nhiên
Thất tổ lục huyền đều được hoá sinh
Cam-lồ nước rưới tinh thanh
Lâu lâu Kim tướng tọa bình liên-hoa
Thiều tiên nhạc võ xướng ca
Bủy hàng cây báu Ta-ra nở đua
Trung nguyên phóng xá lao-tù
Mục-liên tiếp dẫn Diêm đồ sạch không
Bù ray đức đạo thành công
Muôn năm hưởng phúc quốc trung khoẻ bền
Viên dung vân phiệt vạn tuyền
Hữu tội, vô tội, thoát liền làng làng
Thủy thanh, nguyệt hiện trùng trùng
Một cơn (汗→扞) gió thổi quyết chùng bụi trần
Ai ai đội đức Hoàng-ân
Thập bát địa ngục làm ngân hỉ hoan
Ngưu đầu, mã diện thiên ban
Điều thì phóng xá khải hoàn thiên quan

Khuyên người thiện tín xa gần
Hà! tu cho chín chữ nhân chớ rời

Độc dữ quả báo vô sai
140 Ai hoà giữ được ấy ~~mấy~~ mai được tuyền

Hạnh này truyền để thiên niên
144 Mục liên thành Phật, thành tiên chép làm

Nam-mô A-di-đà phật

Thiên tử vạn vạn niên chi thọ

Mục liên bản hạnh chung-tất

o Giảng ma kệ.

